



THỐNG KÊ TP CẦN THƠ

SỐ LIỆU

KINH TẾ - XÃ HỘI

TP CẦN THƠ

THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2025



<https://thongkecantho.nso.gov.vn>

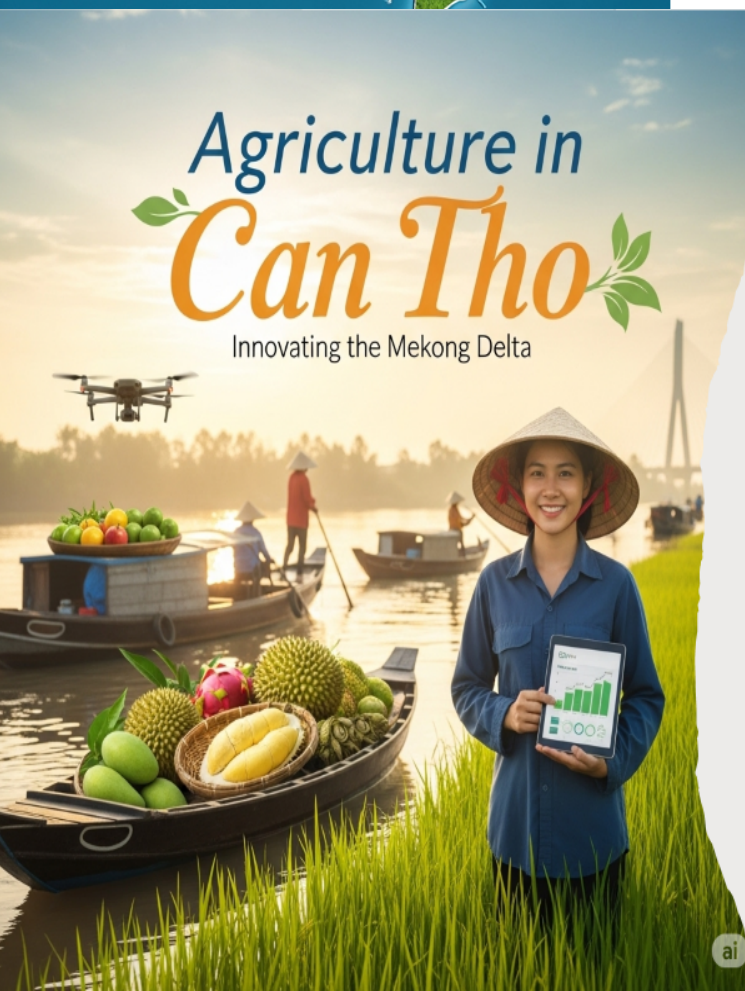
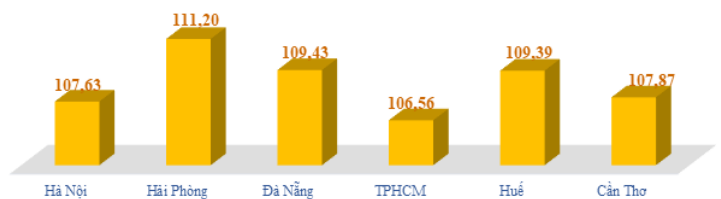
MỤC LỤC

❑	Những nét chính kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ.....	1
❑	Một số chỉ tiêu chủ yếu tháng 7 và 7 tháng năm 2025.....	5
❑	Nông nghiệp và thủy sản.....	6
❑	Công nghiệp.....	7
❑	Giải ngân vốn đầu tư công.....	10
❑	Tình hình hoạt động doanh nghiệp.....	11
❑	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.....	13
❑	Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải.....	15
❑	Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ.....	17
❑	Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.....	20
❑	Ngân hàng.....	22
❑	Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....	23
❑	Tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ.....	24
❑	Tình hình dịch bệnh.....	25
❑	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	26
❑	Dân số trung bình TP. Cần Thơ ước năm 2024.....	27
❑	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).....	28
❑	Số liệu KT-XH 6 TP trực thuộc Trung ương.....	31

NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ



Việc hợp nhất thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng vào ngày 01/7/2025 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và mở ra nhiều cơ hội phát triển mới của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Tổng sản phẩm trên địa bàn ước 6 tháng đầu năm 2025 tăng 7,87% so với cùng kỳ, đứng thứ 19 cả nước và thứ 4 của 6 thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,80%, đóng góp 0,60 điểm %; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,58%, đóng góp 2,73 điểm %; khu vực dịch vụ tăng 9,58%, đóng góp 4,21 điểm %; thuế sản phẩm tăng 5,31%, đóng góp 0,32 điểm % vào mức tăng chung của nền kinh tế thành phố.



Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định do thời tiết thuận lợi, dịch bệnh trên thủy sản ít xảy ra, kỹ thuật nuôi ngày được nâng cao, mô hình nuôi luân canh trong ruộng lúa và nuôi lòng bè, bể bồn đem lại thêm thu nhập cho người dân. Lúa đông xuân niên vụ 2024-2025 đã thu hoạch dứt điểm với diện tích xuống giống 327.460 ha, giảm 0,52%; năng suất trung bình ước đạt 72,12 tạ/ha, giảm 1,02%; sản lượng đạt 2.361 nghìn tấn, giảm 1,25% so với cùng kỳ. Vụ lúa hè thu cơ bản đã thu hoạch xong; lúa thu đông được xuống giống sớm hơn so với cùng kỳ. Tổng diện tích cây lâu năm trên địa bàn Cần Thơ lũy kế ước khoảng 118.689 ha, tăng 1,40% so cùng kỳ; trong đó cây ăn quả ước đạt 99.861 ha, chiếm 84,14% trong tổng diện tích cây lâu năm, tăng 1,62% so cùng kỳ. Tổng diện tích gieo trồng rau màu, đậu các loại ước đạt 50.253 ha, tăng 2,07% so với cùng kỳ. Chăn nuôi tiếp tục ổn định góp phần duy trì đà tăng trưởng chung của ngành nông nghiệp. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2025, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 362,13 nghìn tấn, tăng 7,66% so với cùng kỳ.



Khu vực công nghiệp và xây dựng đạt mức tăng trưởng cao, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tiếp tục ghi nhận tăng trưởng, cho thấy tín hiệu tích cực từ hoạt động sản xuất. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2025, IIP tăng 8,24% so cùng kỳ, trong đó ngành khai khoáng giảm 18,18%; công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ lực tăng 8,66%; sản xuất và phân phối điện tăng 3,53%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,56%.



Tính đến ngày 30/6/2025, kết quả giải ngân kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công xây dựng cơ bản đã giải ngân đạt 7.247 tỷ đồng và đạt 26,08% so với kế hoạch.

NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ (tiếp)

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ, phản ánh hiệu quả từ sự mở rộng quy mô thị trường, tăng kết nối hạ tầng và nâng cao nhu cầu tiêu dùng nội địa. Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, ước tính đạt 200,48 nghìn tỷ đồng, tăng 18,38% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 134,99 nghìn tỷ đồng, tăng 19,04%; lưu trú, ăn uống ước đạt 32,55 nghìn tỷ đồng, tăng 18,94%; du lịch lữ hành ước đạt 0,43 nghìn tỷ đồng, giảm 6,50%; dịch vụ khác ước đạt 32,51 nghìn tỷ đồng, tăng 15,61%. Tình hình hoạt động vận tải ổn định, nhu cầu đi lại trên địa bàn thành phố luôn đảm bảo thông suốt, ước tính 7 tháng năm 2025, tổng doanh thu vận tải của địa phương đạt 8,37 nghìn tỷ đồng với mức tăng 14,18% so với cùng kỳ.



❑ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2025 của thành phố Cần Thơ giảm nhẹ 0,14% so với tháng trước và tăng 2,37% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 2,99% so với cùng kỳ, cho thấy áp lực lạm phát vẫn được kiểm soát tốt trong bối cảnh giá cả một số nhóm hàng hóa có biến động.

❑ Chỉ số giá vàng tăng 0,69% so với tháng trước, tăng 47,35% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng đầu năm 2025 tăng 42,80% so với cùng kỳ.

❑ Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,38% so với tháng trước, tăng 3,37% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng đầu năm 2025 tăng 3,24% so với cùng kỳ.



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ (tiếp)



Hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố tiếp tục duy trì ổn định. Mặt bằng lãi suất không có nhiều biến động, lãi suất cho vay vẫn được giữ ở mức thấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn. Ước tính đến cuối tháng 7/2025, tổng huy động vốn đạt 219,56 nghìn tỷ đồng, tăng 4,92% và tổng dư nợ đạt 314,69 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với cuối năm 2024.



Trên địa bàn thành phố 7 tháng đầu năm 2025, xảy ra 404 vụ tai nạn giao thông, giảm 9,62% so với cùng kỳ, làm chết 224 người, tăng 16,06% và 284 người bị thương, giảm 16,47%; đồng thời, xảy ra 13 vụ cháy, thiệt hại về tài sản khoảng 3,14 tỷ đồng.

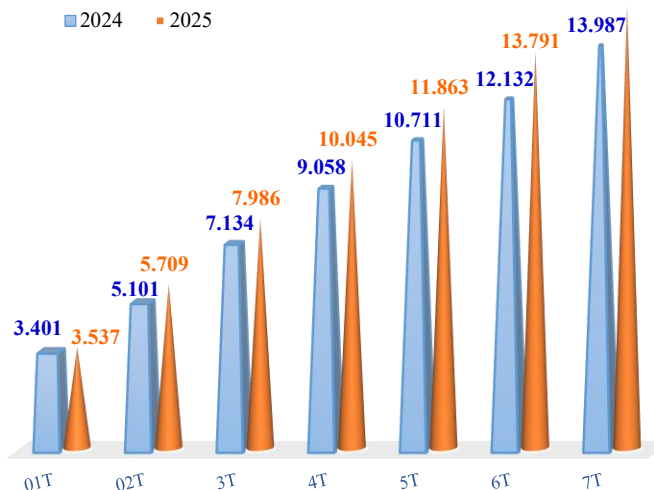


Tính từ ngày 15/6/2025 đến ngày 15/7/2025, thành phố Cần Thơ ghi nhận 277 trường hợp mắc sốt xuất huyết, lũy tích từ đầu năm đến thời điểm báo cáo ghi nhận 1.139 trường hợp mắc; tay chân miệng ghi nhận 430 trường hợp mắc, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 1.733 trường hợp mắc; sởi và sốt phát ban nghi sởi ghi nhận 51 trường hợp mắc, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 3.267 trường hợp; tiêu chảy 997 trường hợp, tăng 52% so với tháng trước.

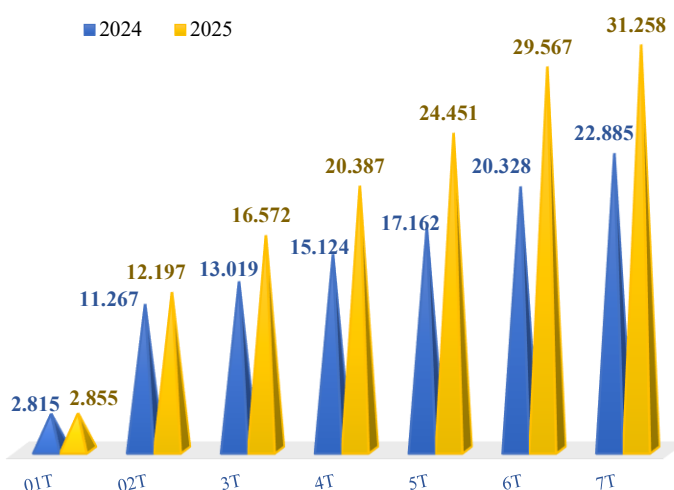


MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2025

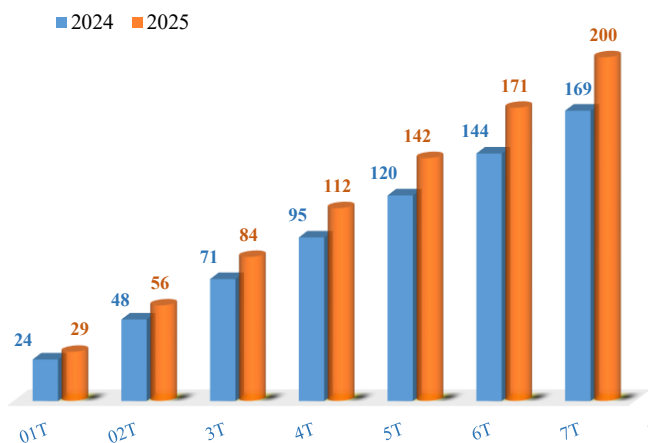
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



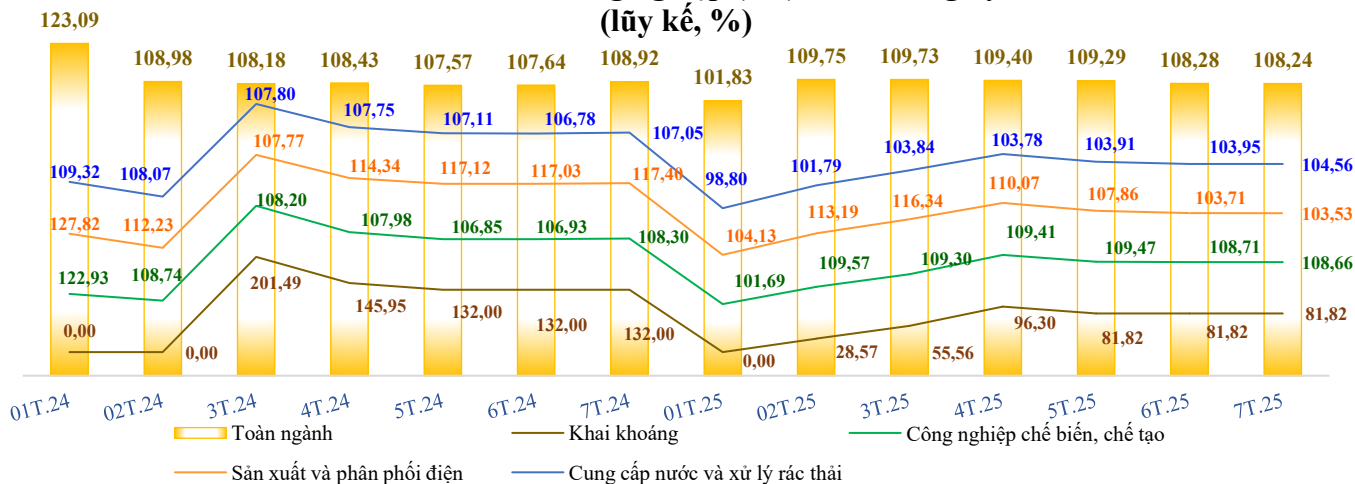
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



**Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ
(lũy kế, %)**



**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ
(lũy kế, %)**

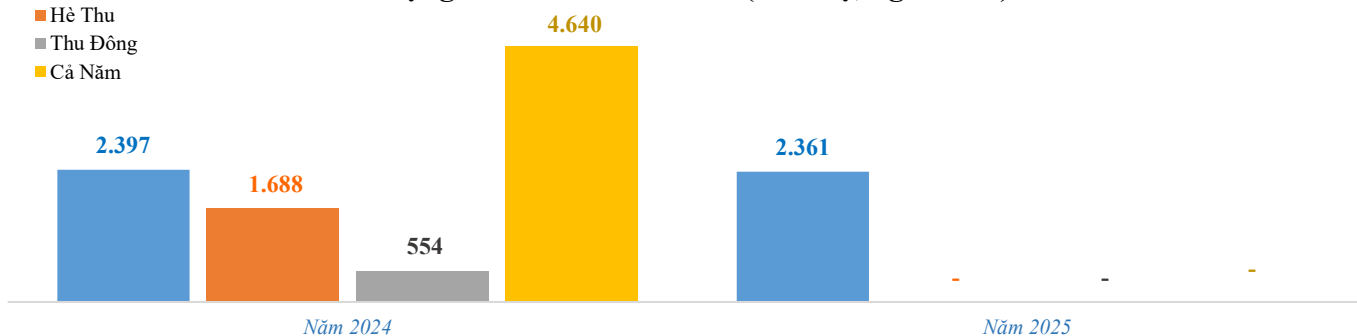




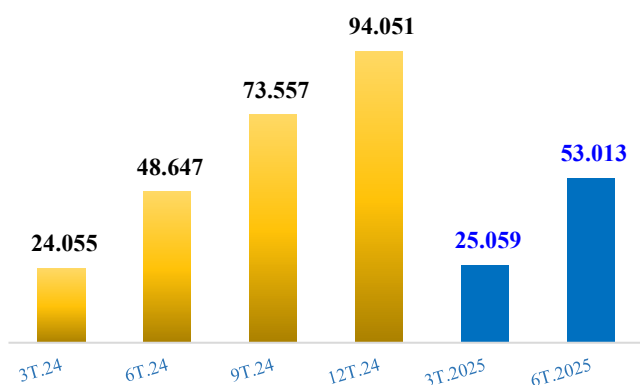
NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

- Đông Xuân
- Hè Thu
- Thu Đông
- Cả Năm

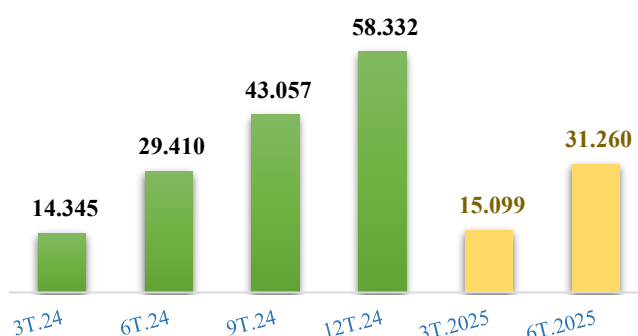
Sản lượng lúa năm 2024 - 2025 (theo vụ, nghìn tấn)



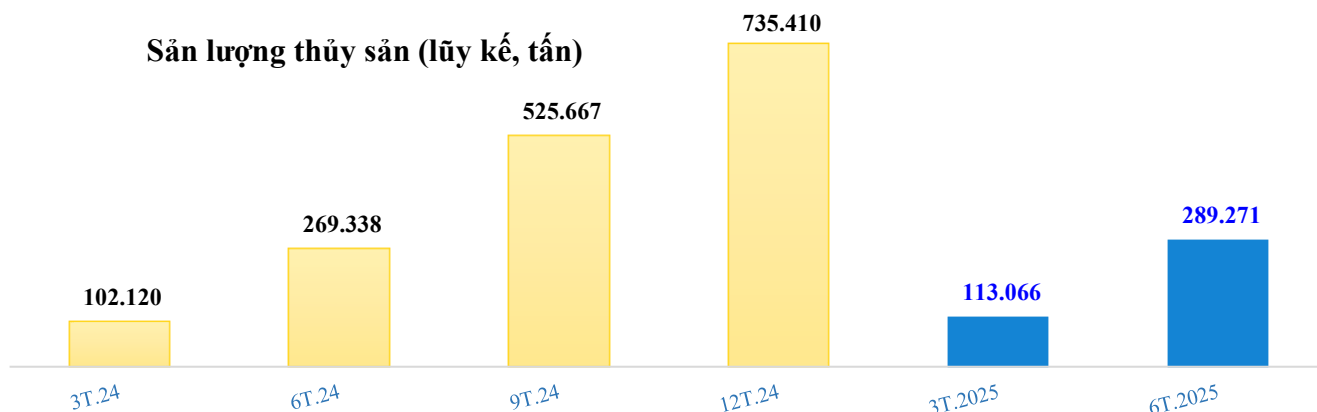
Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (lũy kế, tấn)



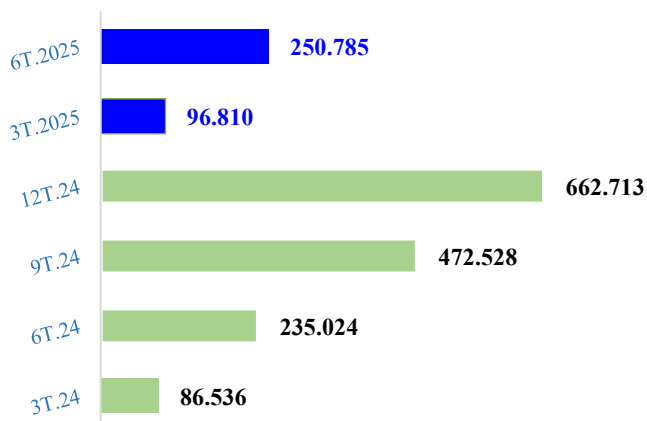
Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng (lũy kế, tấn)



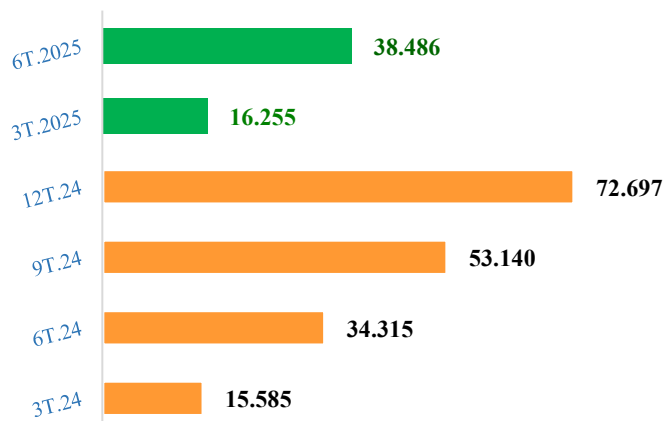
Sản lượng thủy sản (lũy kế, tấn)



Sản lượng nuôi trồng (lũy kế, tấn)



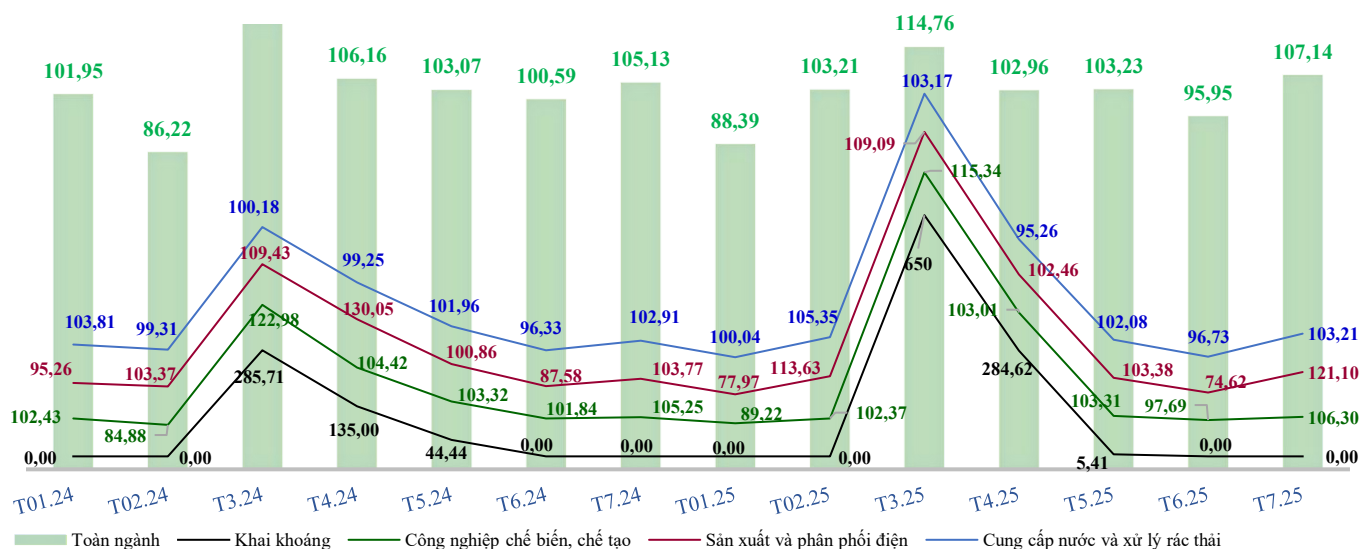
Sản lượng khai thác (lũy kế, tấn)



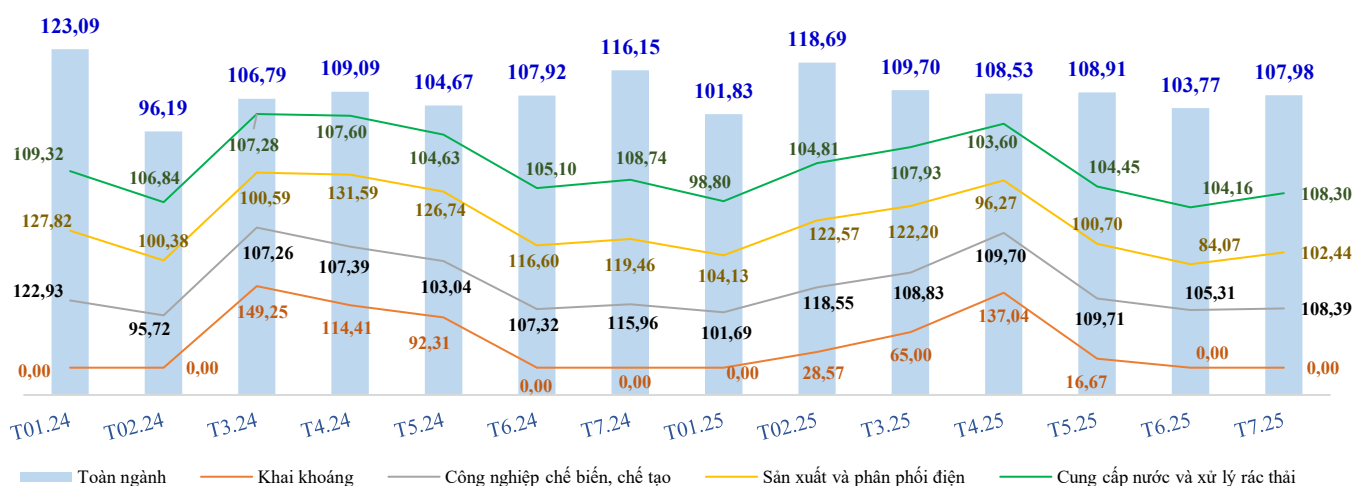


CÔNG NGHIỆP (*)

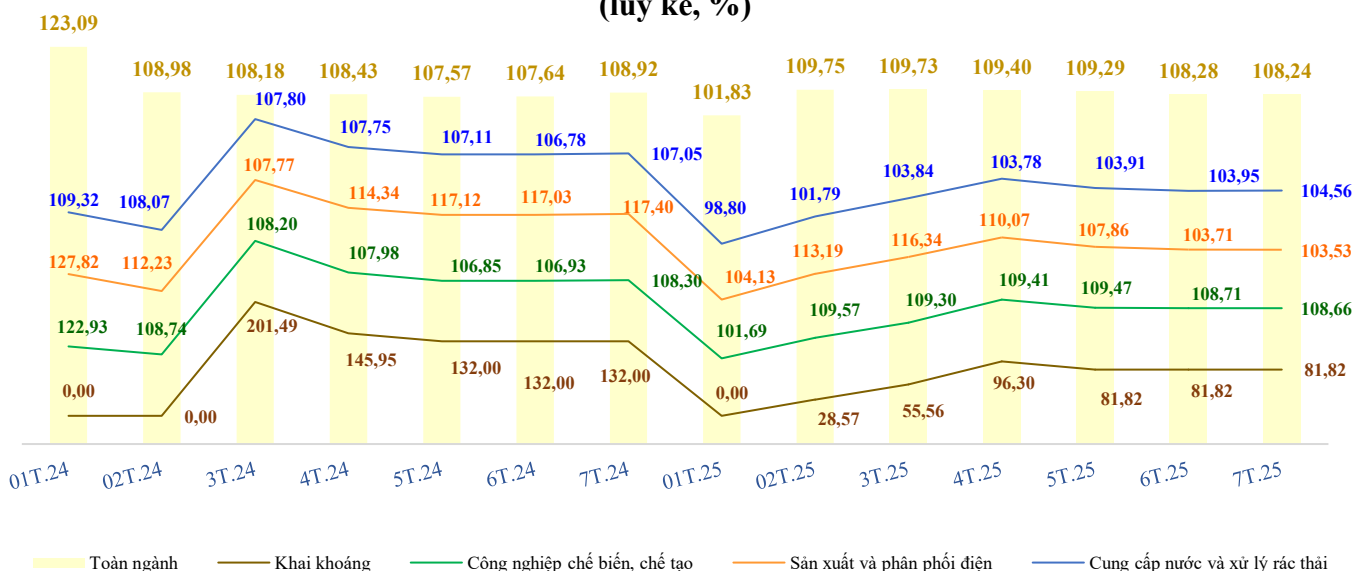
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng trước (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



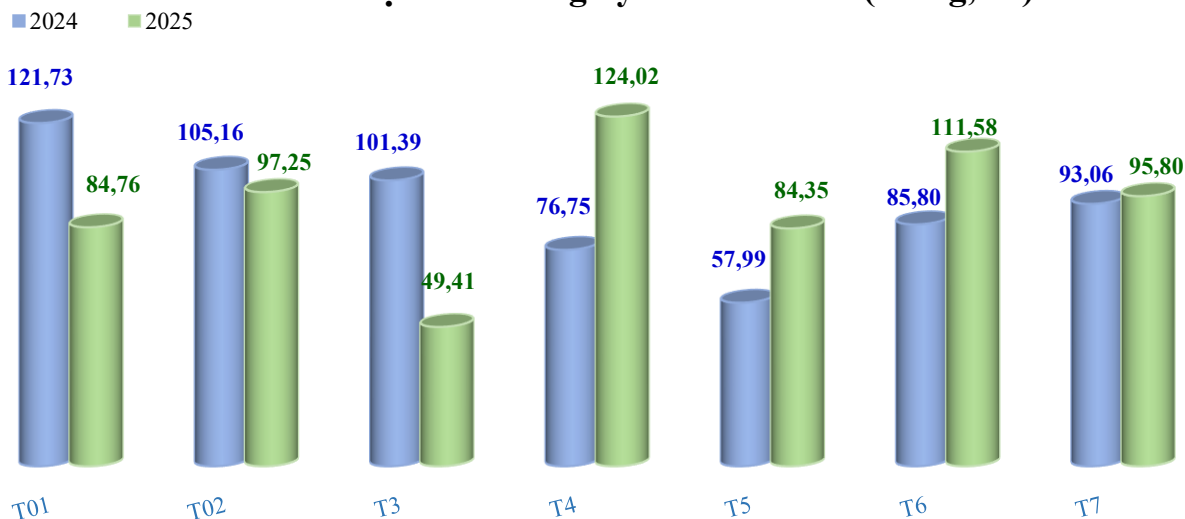
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)



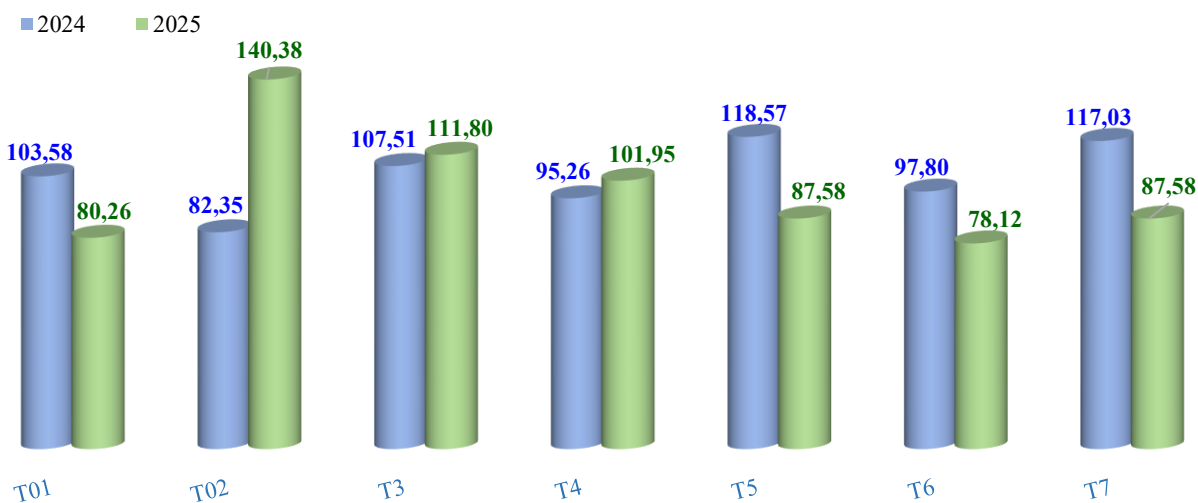


CÔNG NGHIỆP (*)

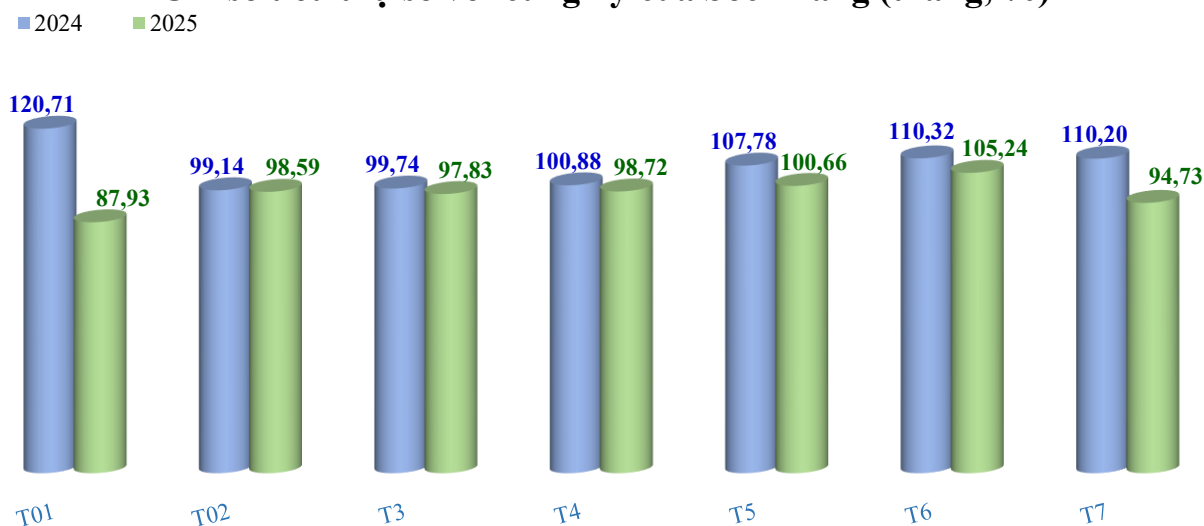
Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ của Cần Thơ (tháng, %)



Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ của Hậu Giang (tháng, %)



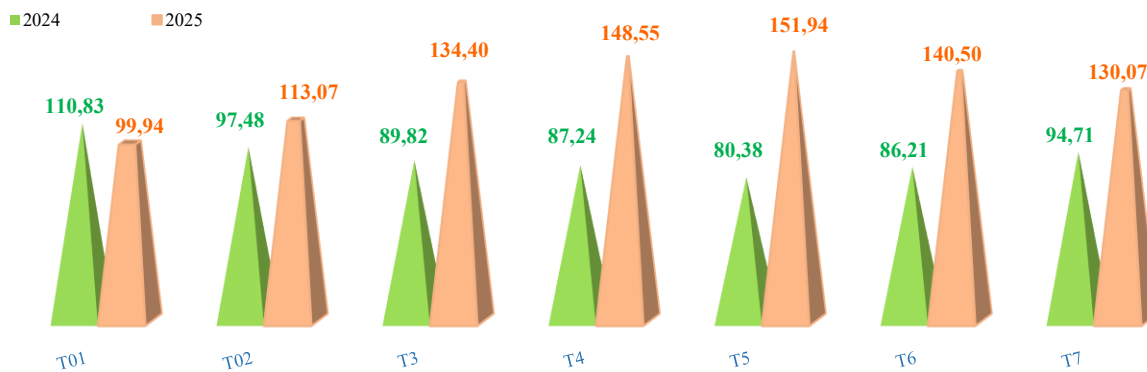
Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ của Sóc Trăng (tháng, %)



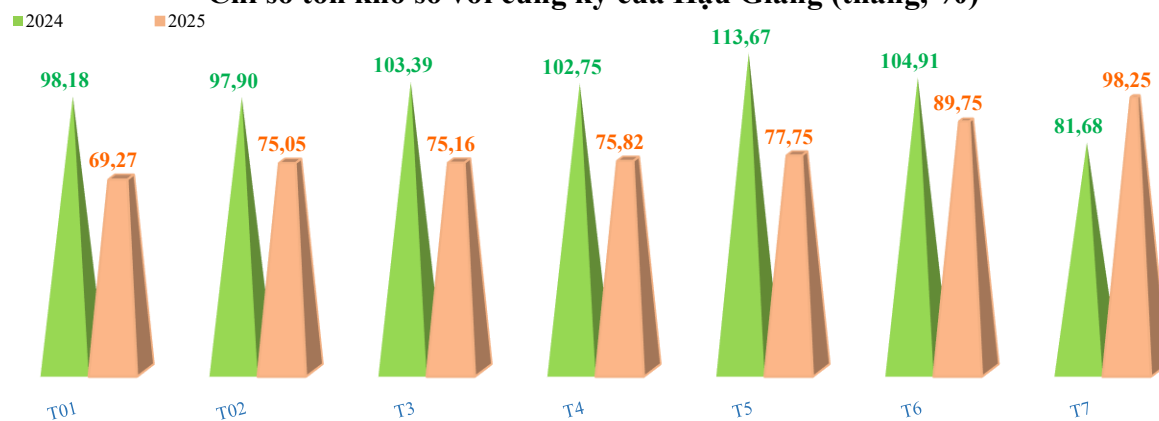


CÔNG NGHIỆP (*)

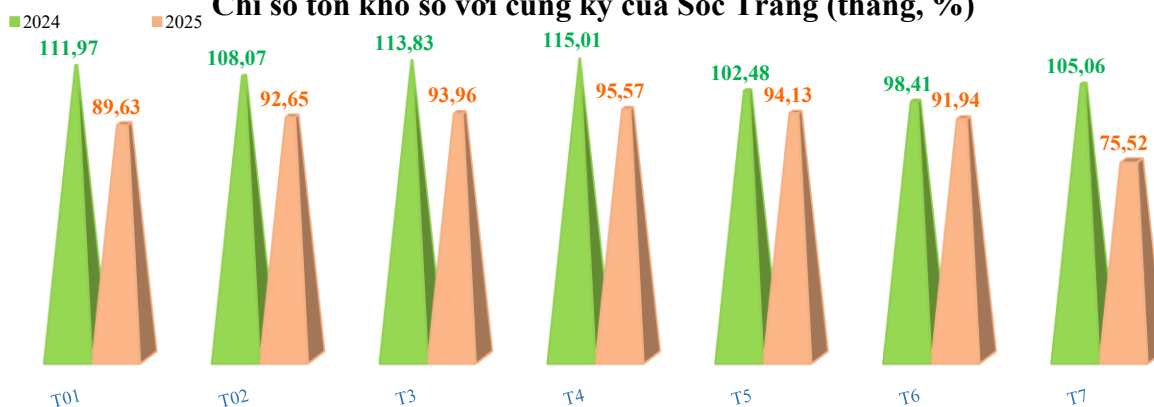
Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ của Cần Thơ (tháng, %)



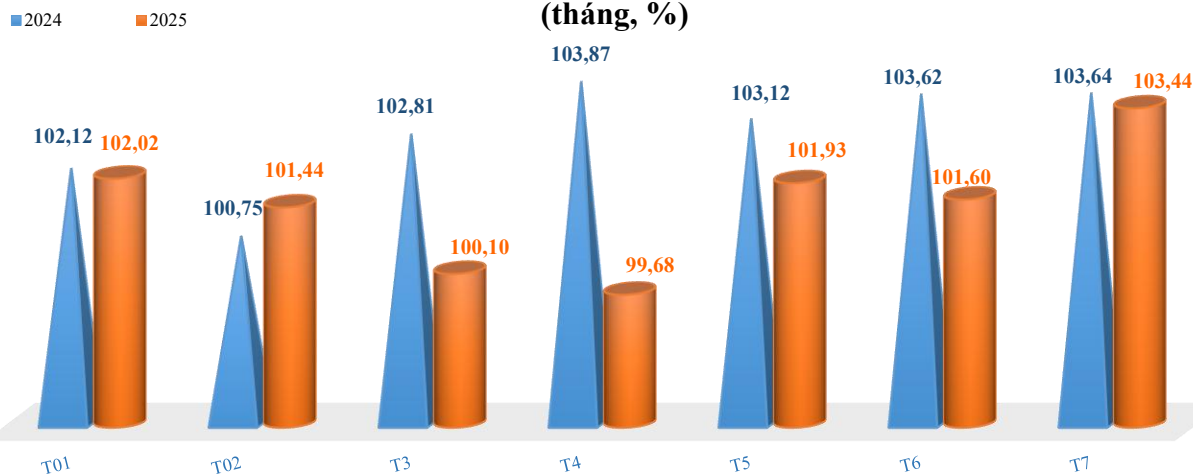
Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ của Hậu Giang (tháng, %)



Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ của Sóc Trăng (tháng, %)



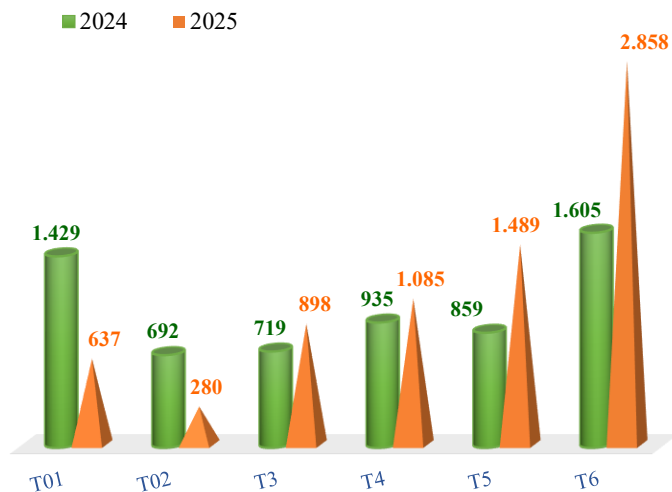
Chỉ số sử dụng lao động so với cùng kỳ (tháng, %)



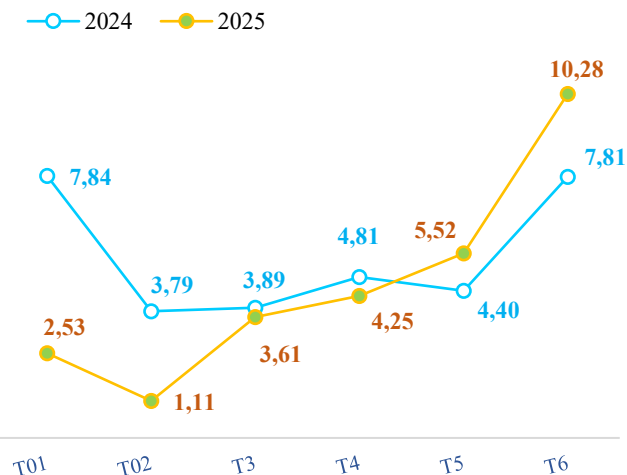


GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG(*)

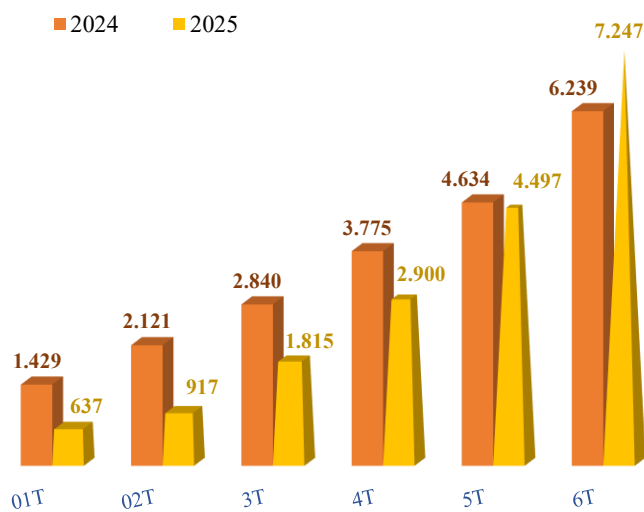
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (theo tháng, tỷ đồng)



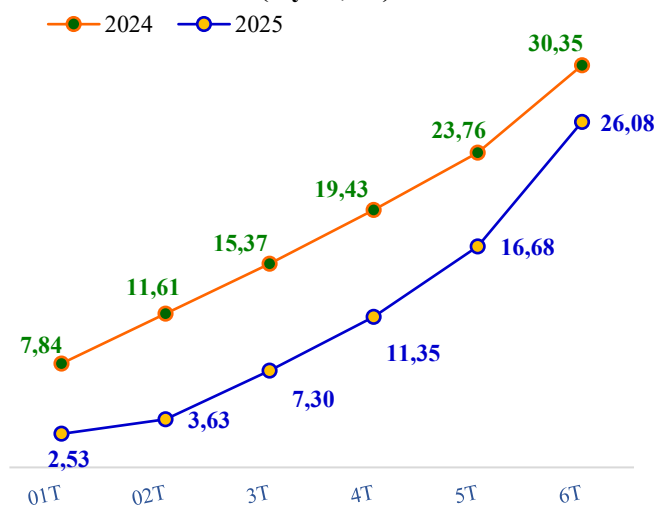
Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước năm 2025 so với kế hoạch (theo tháng, %)



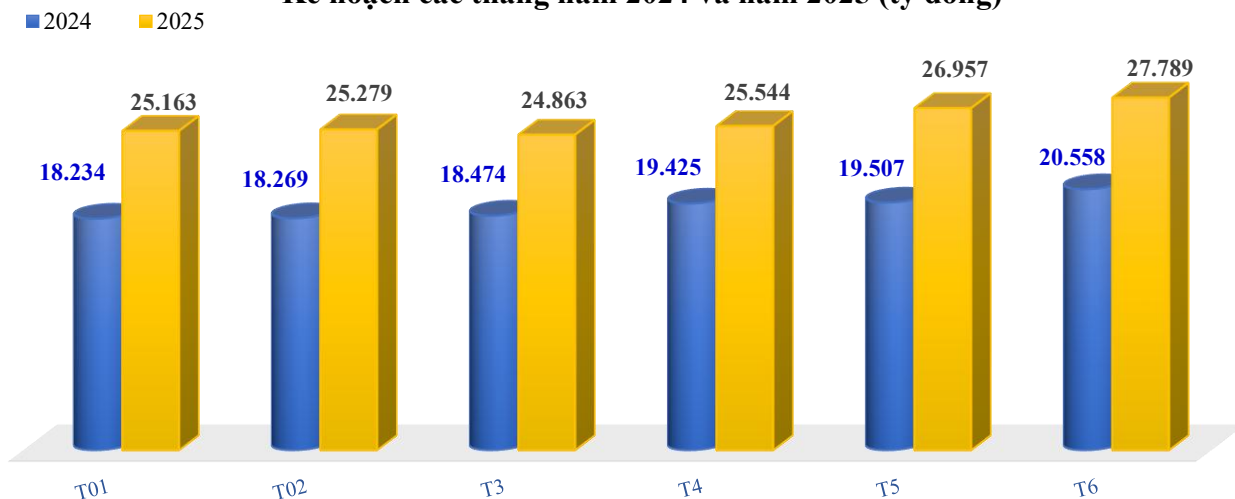
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (lũy kế, tỷ đồng)



Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước so với kế hoạch (lũy kế, %)



Kế hoạch các tháng năm 2024 và năm 2025 (tỷ đồng)



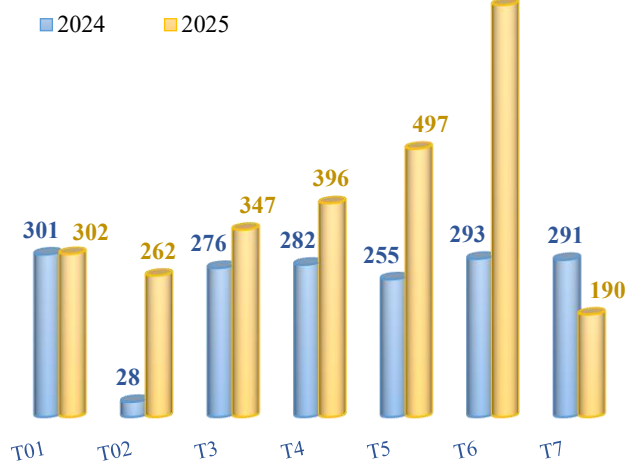
Nguồn: Kho bạc Nhà nước Khu vực XIX

(*) Điều chỉnh số chính thức từ tháng 1/2024 - 6/2024. Riêng tháng 7 số liệu đến ngày 30/6/2025

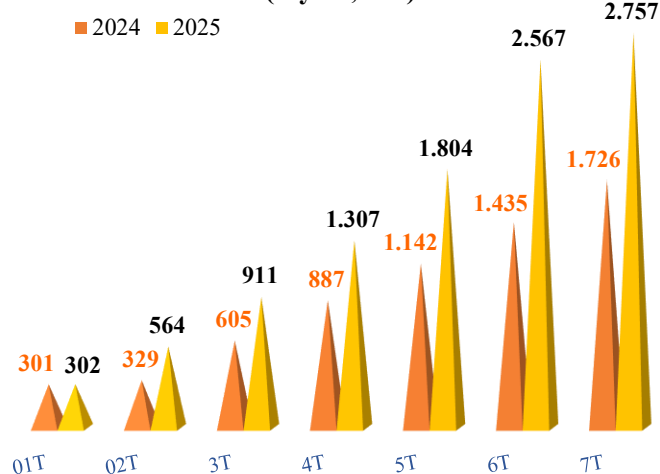


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP(*)

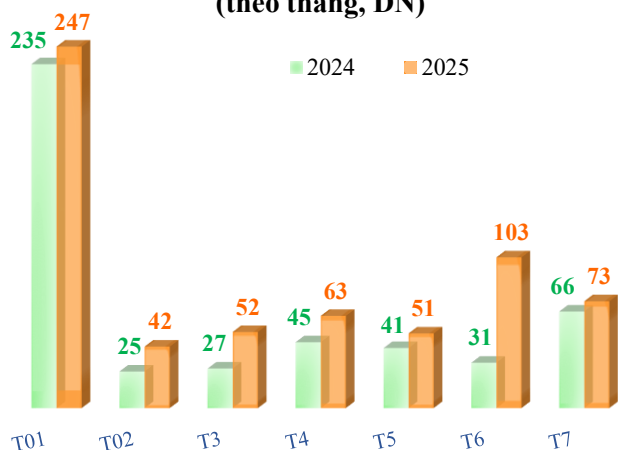
Số doanh nghiệp thành lập mới
(theo tháng, DN)



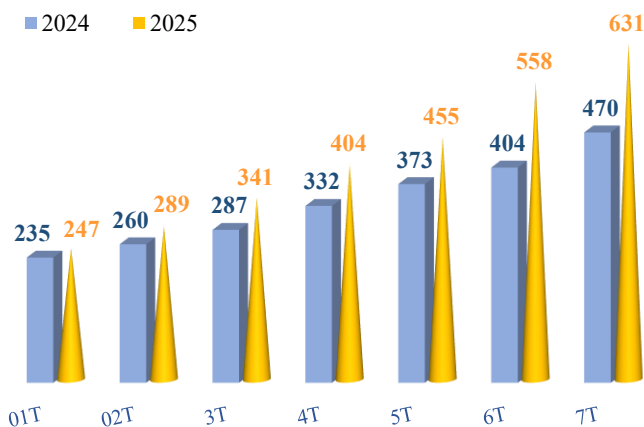
Số doanh nghiệp thành lập mới
(lũy kế, DN)



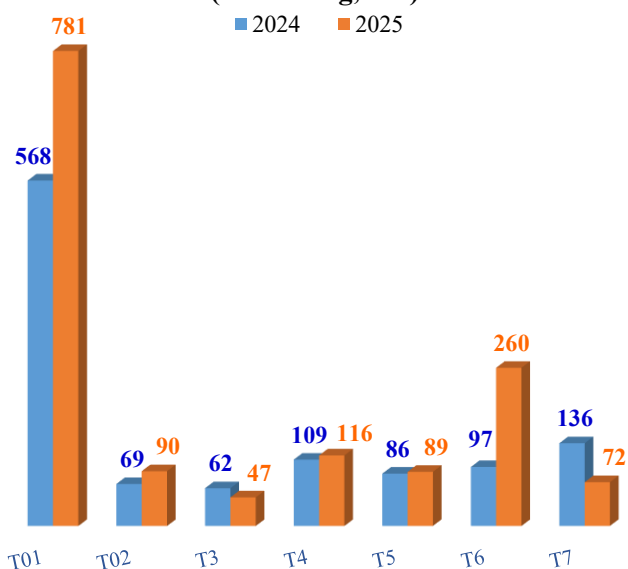
Số DN quay trở lại hoạt động
(theo tháng, DN)



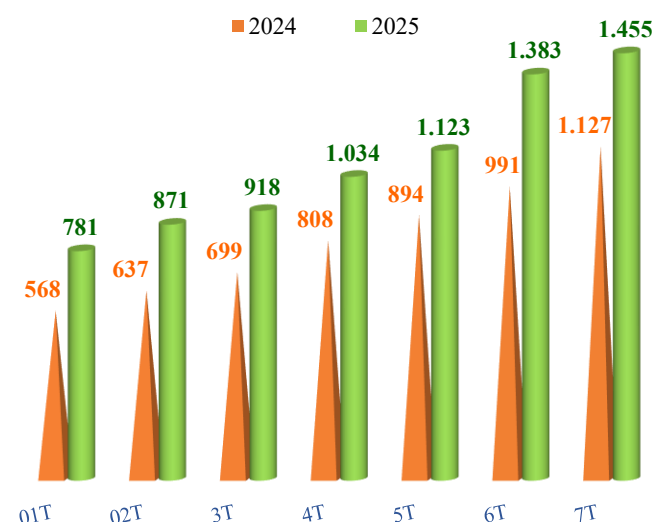
Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động
(lũy kế, DN)



Số DN tạm ngưng có thời hạn
(theo tháng, DN)



Số doanh nghiệp tạm ngưng có thời hạn
(lũy kế, DN)



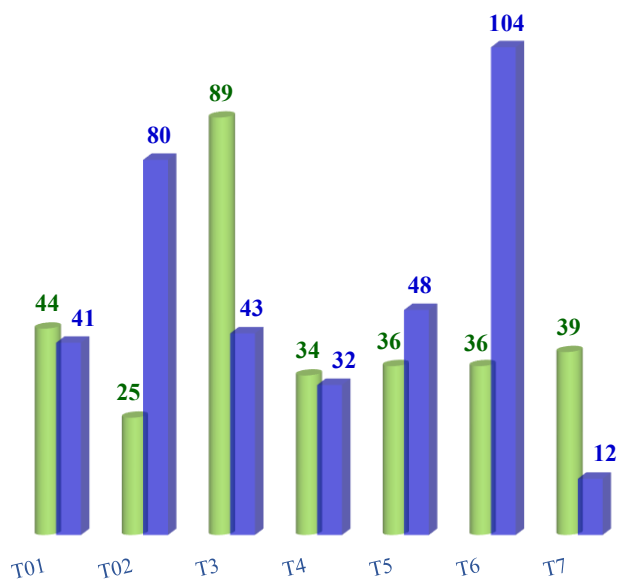
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ
Cập nhật lại số liệu từ tháng 01/2024 đến tháng 7/2025



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP(*) (tiếp theo)

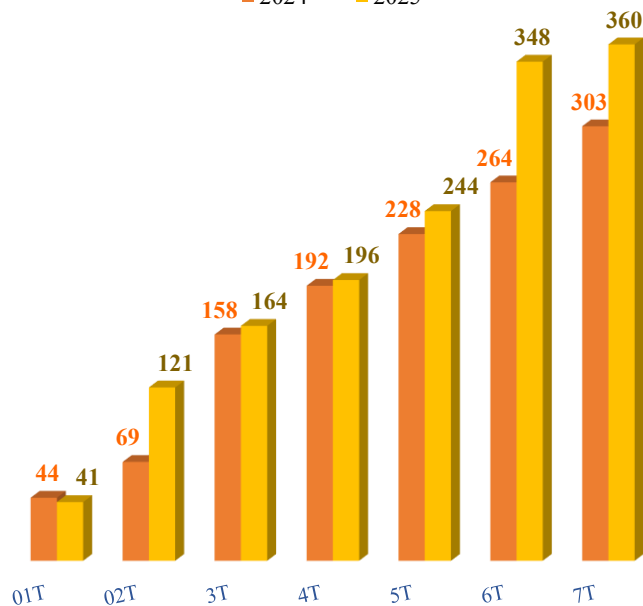
Số doanh nghiệp chờ giải thể/giải thể
(theo tháng, DN)

■ 2024 ■ 2025

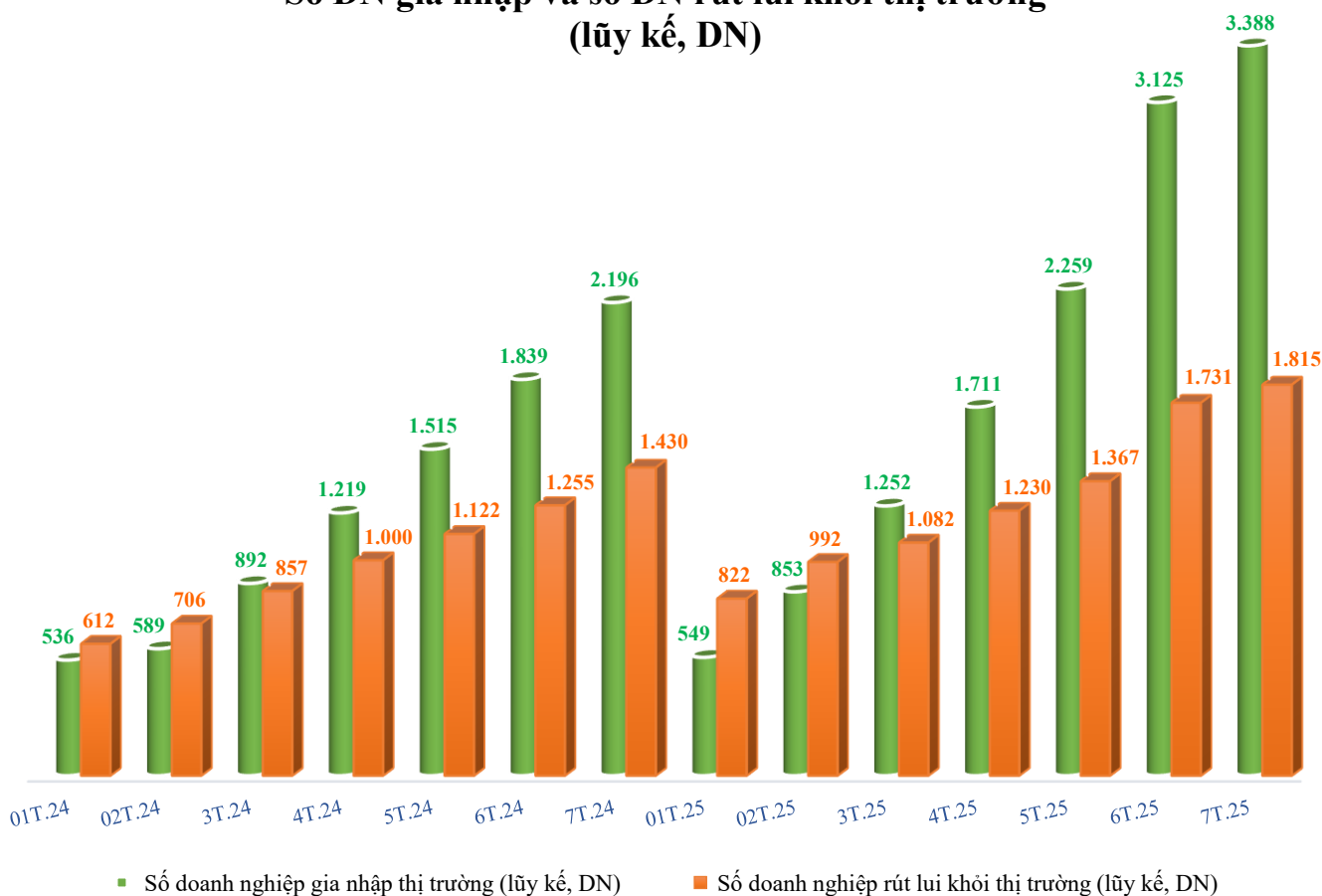


Số doanh nghiệp chờ giải thể/giải thể
(lũy kế, DN)

■ 2024 ■ 2025



Số DN gia nhập và số DN rút lui khỏi thị trường
(lũy kế, DN)

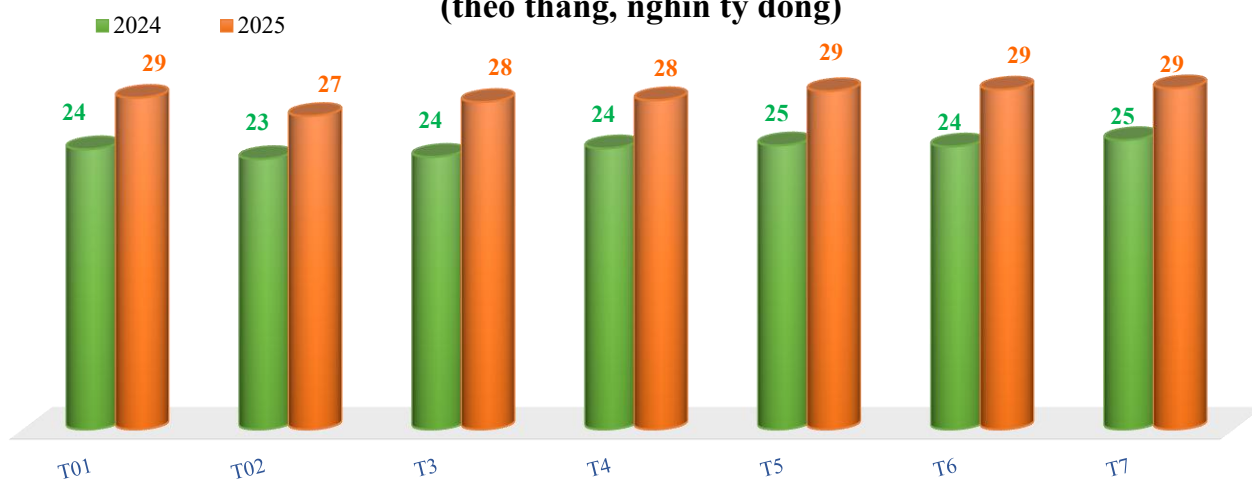


Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ
Cập nhật lại số liệu từ tháng 01/2024 đến tháng 7/2025

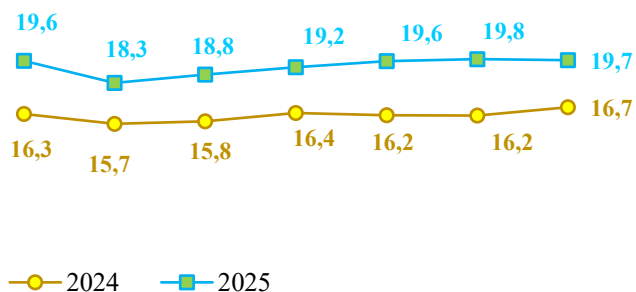


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

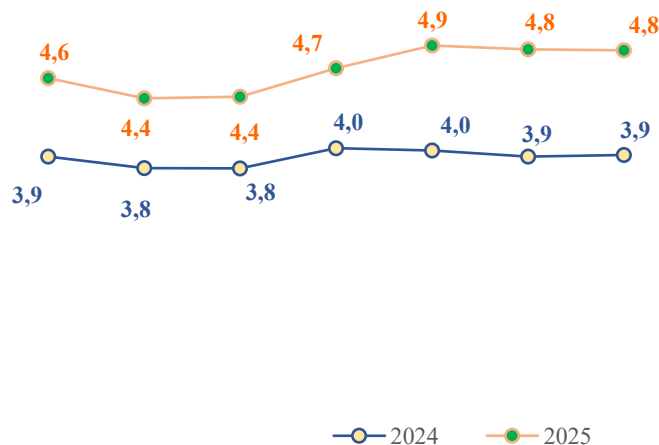
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



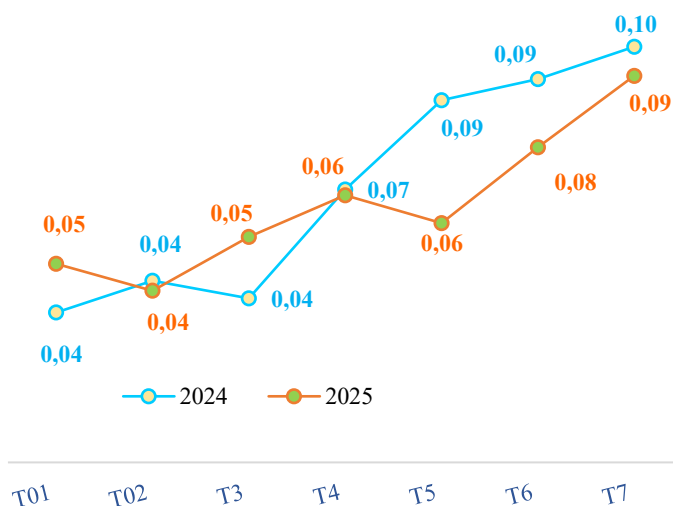
Bán lẻ hàng hóa
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Dịch vụ lưu trú, ăn uống
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



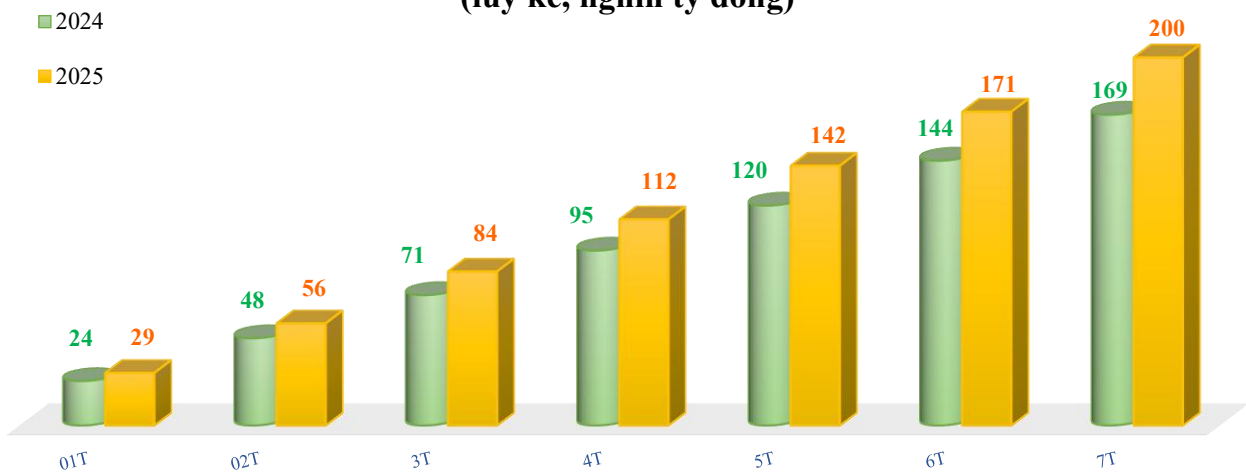
Dịch vụ khác
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



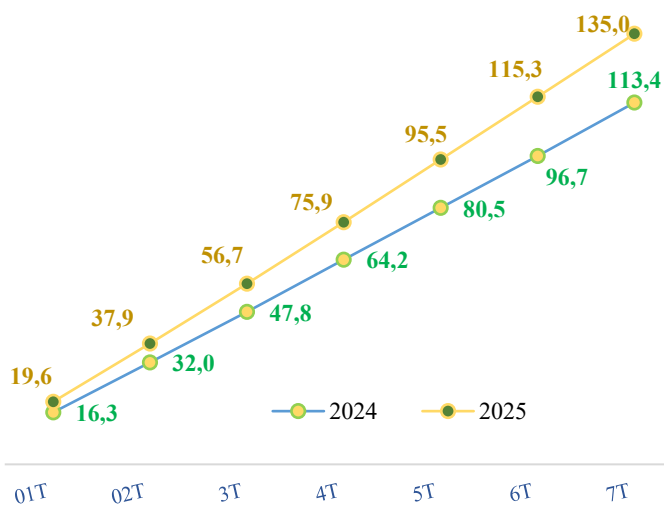


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG (tiếp)

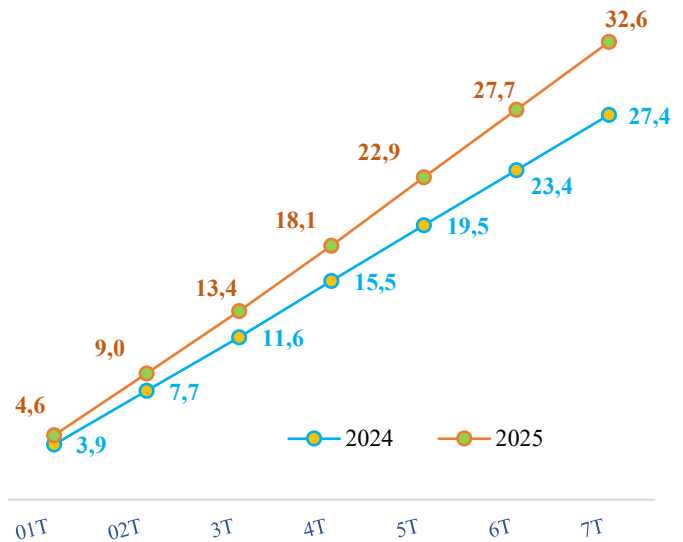
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



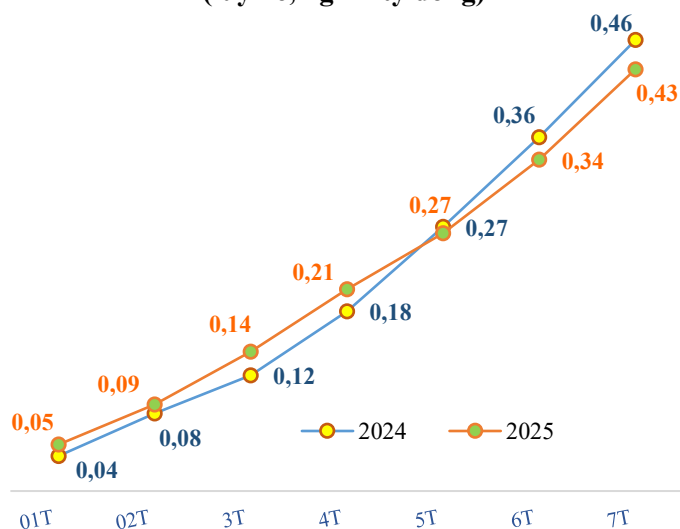
Bán lẻ hàng hóa (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



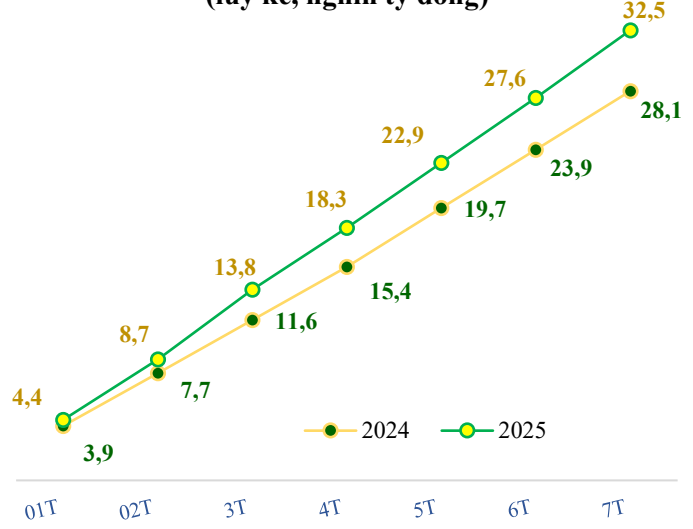
Dịch vụ lưu trú, ăn uống (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Dịch vụ khác (lũy kế, nghìn tỷ đồng)

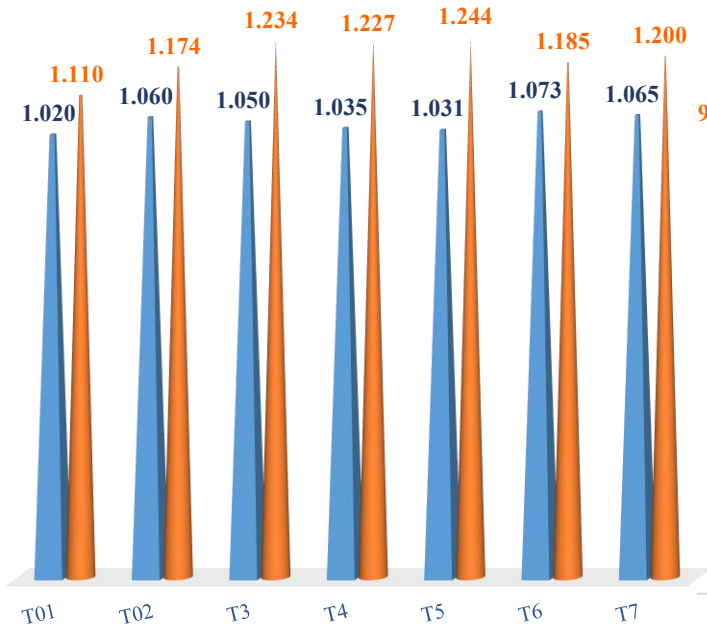




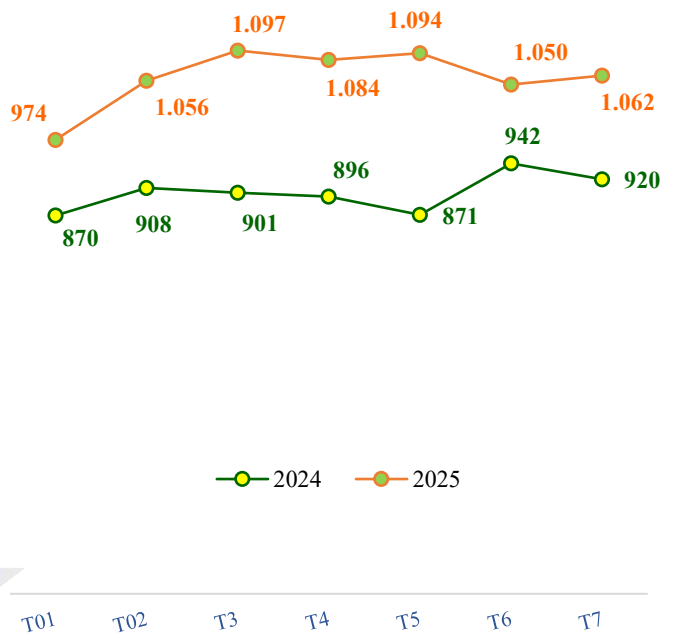
VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ vận tải
(theo tháng, tỷ đồng)

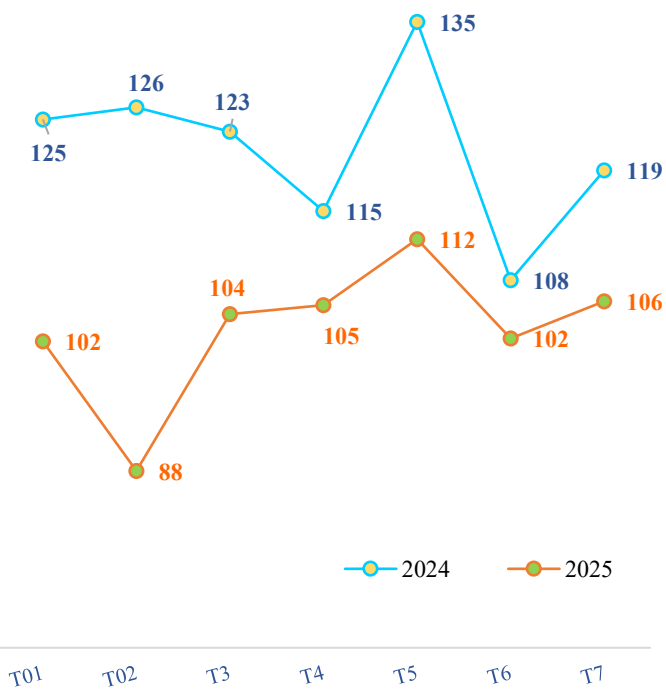
■ 2024 ■ 2025



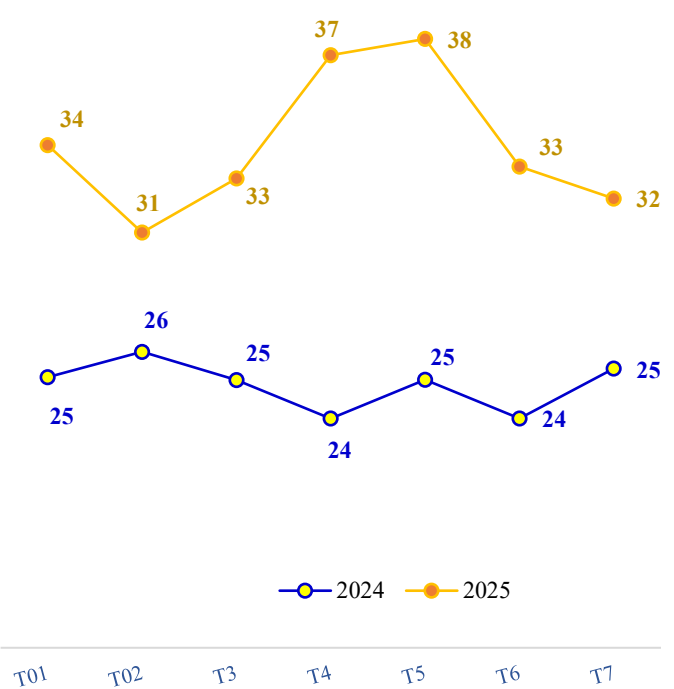
Doanh thu vận tải
(theo tháng, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ
(theo tháng, tỷ đồng)



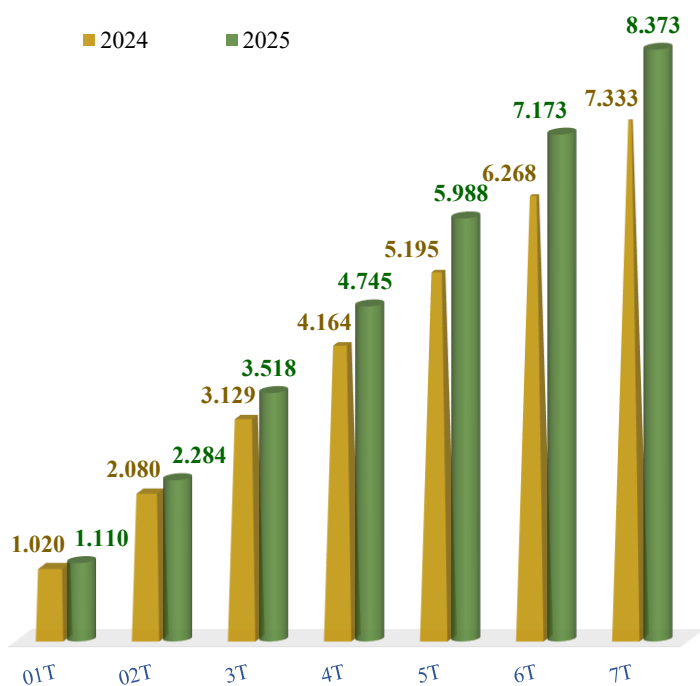
Doanh thu bưu chính, chuyển phát
(theo tháng, tỷ đồng)



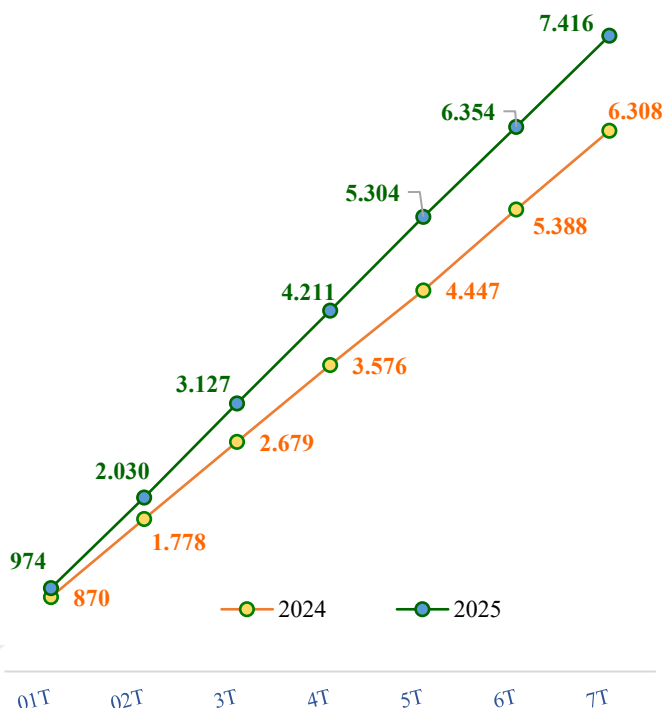


VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI (tiếp)

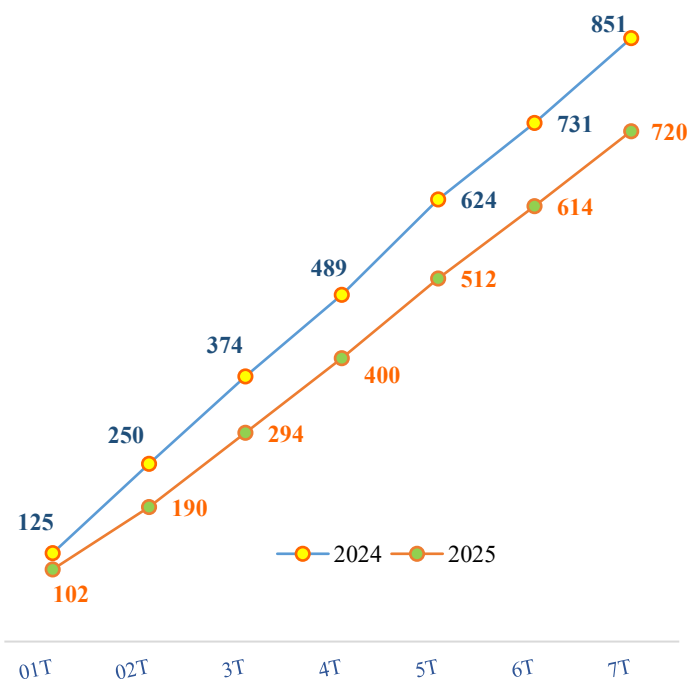
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ
(lũy kế, tỷ đồng)



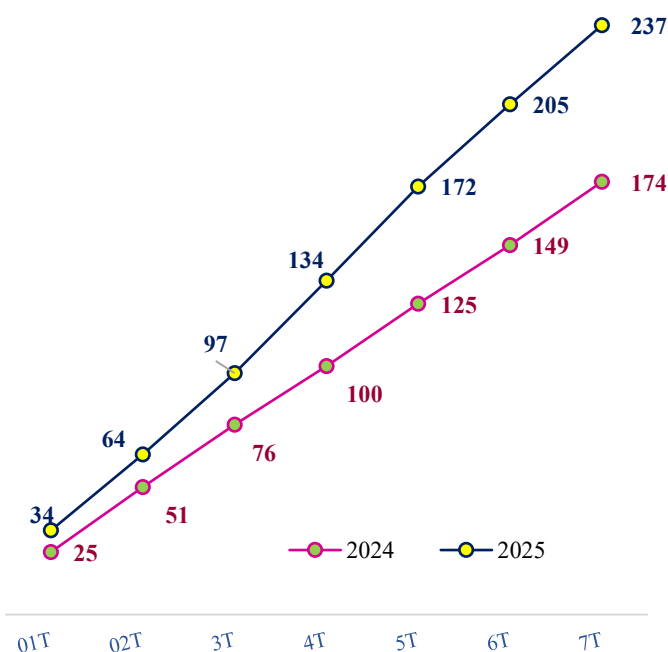
Doanh thu vận tải
(lũy kế, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ
(lũy kế, tỷ đồng)



Doanh thu bưu chính, chuyển phát
(lũy kế, tỷ đồng)



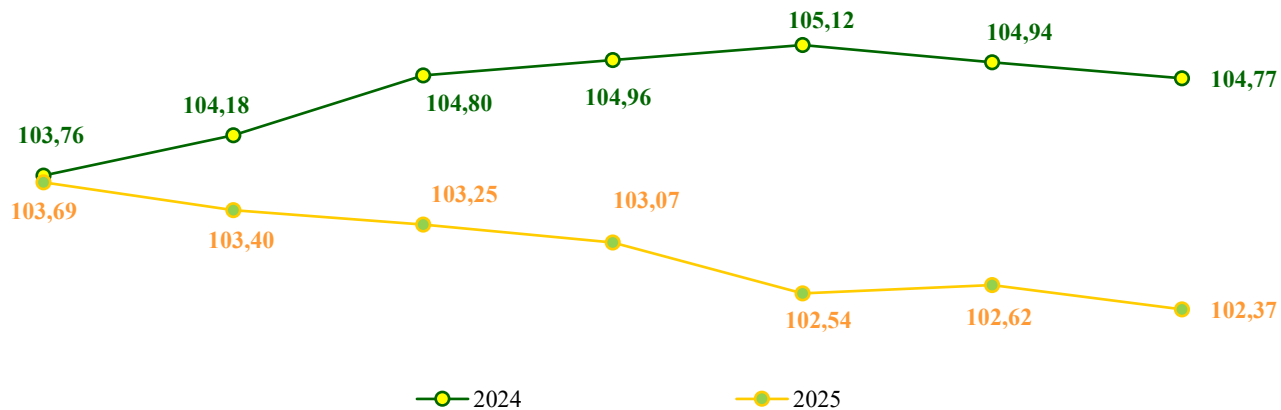


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

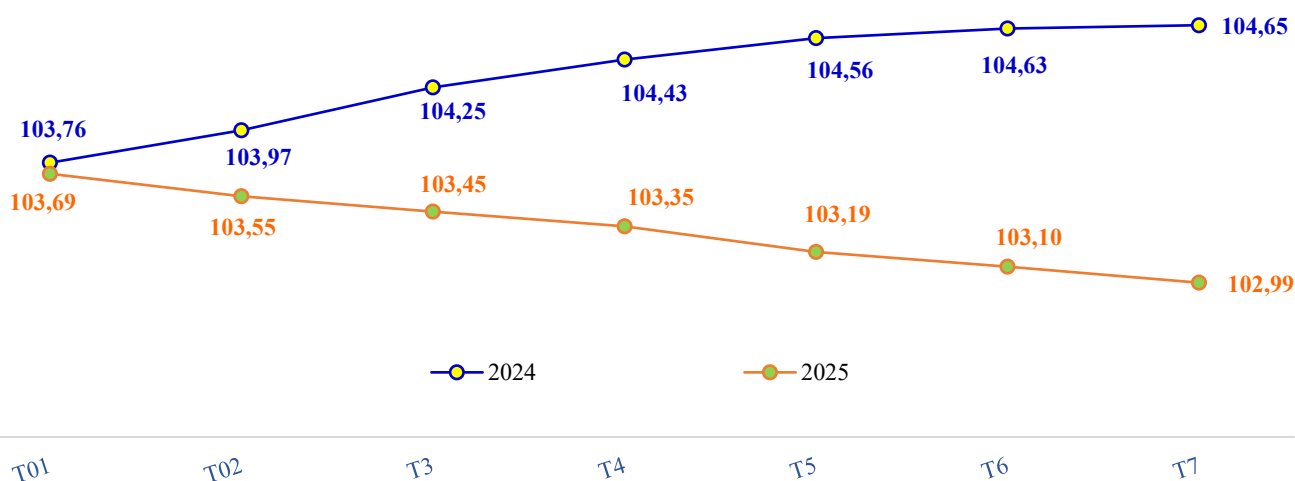
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với tháng trước (%)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với cùng kỳ (%)



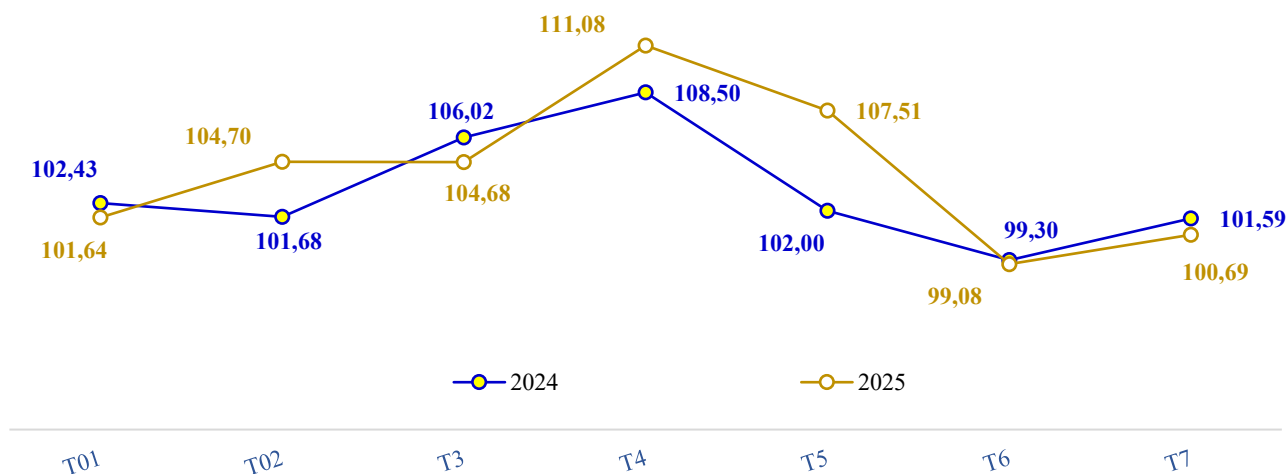
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ (lũy kế, %)



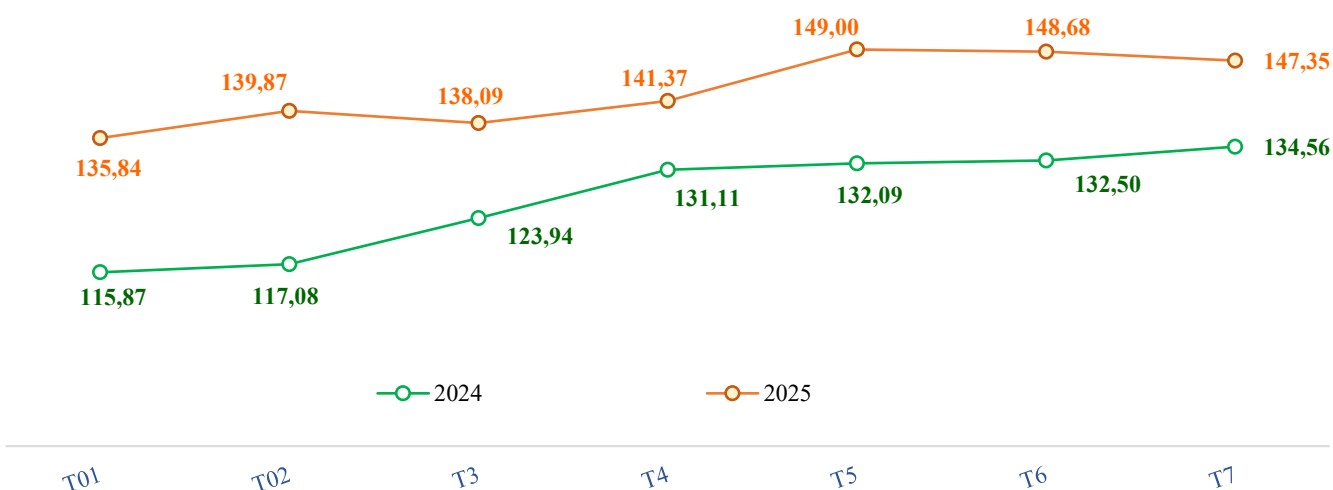


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (tiếp theo)

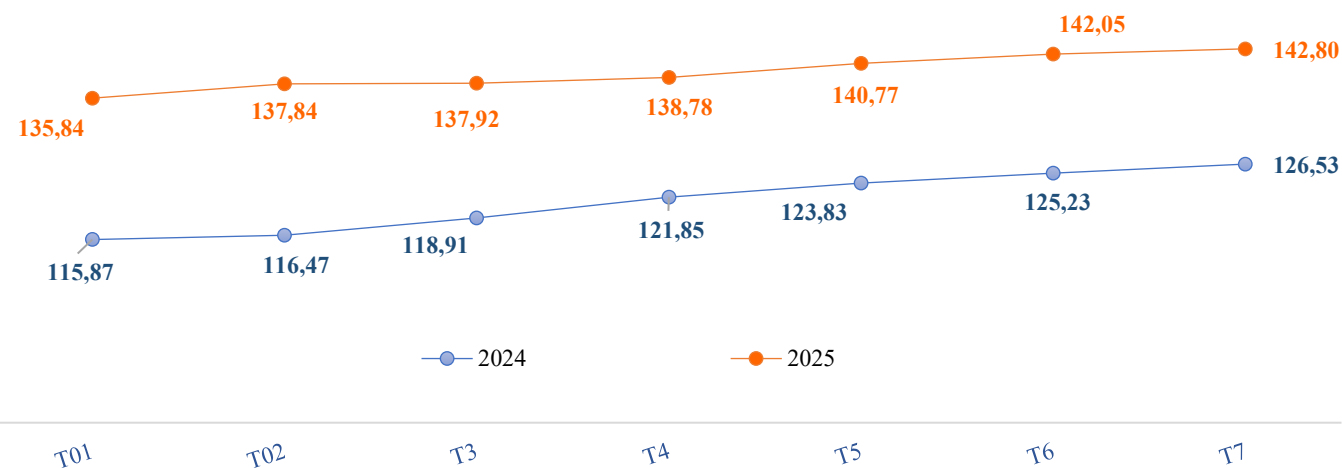
Chỉ số giá vàng so với tháng trước (%)



Chỉ số giá vàng so với cùng kỳ (%)



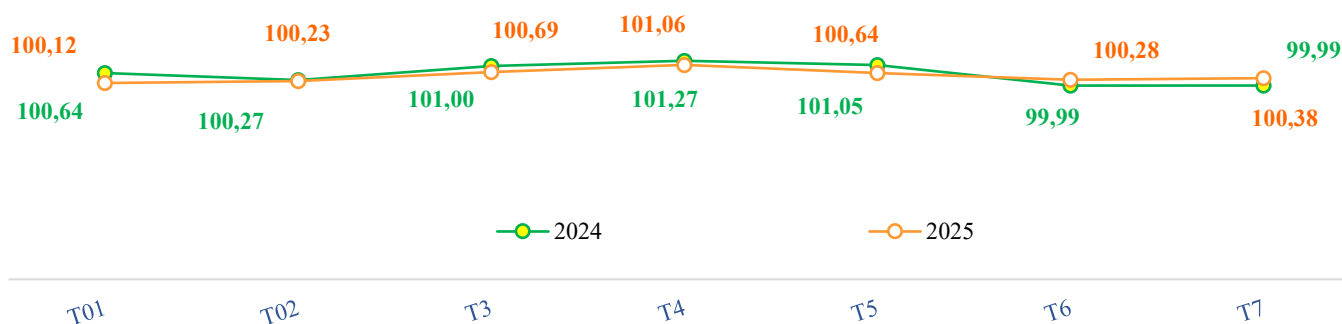
Chỉ số giá vàng bình quân so cùng kỳ (lũy kế, %)



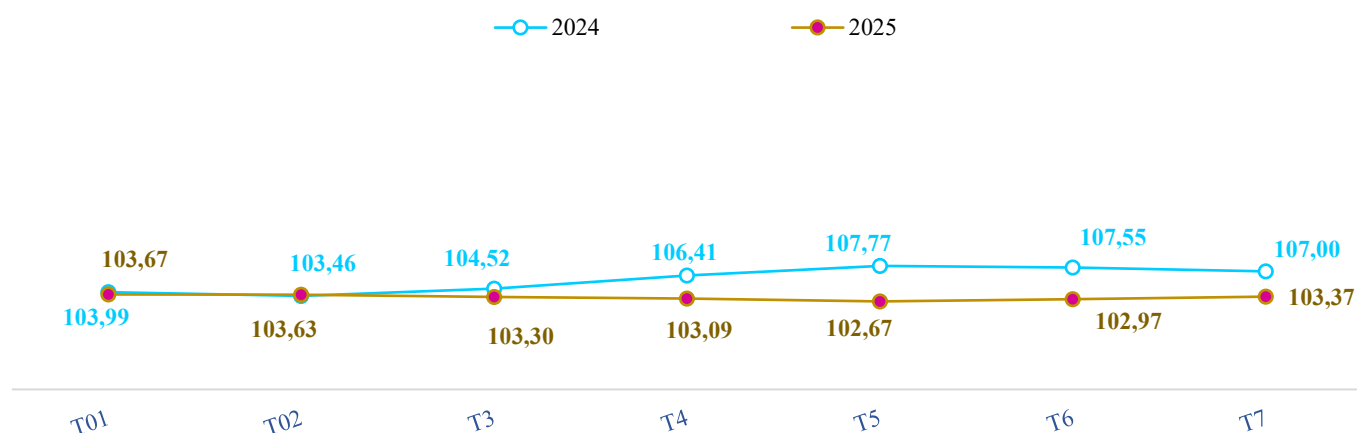


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (tiếp theo)

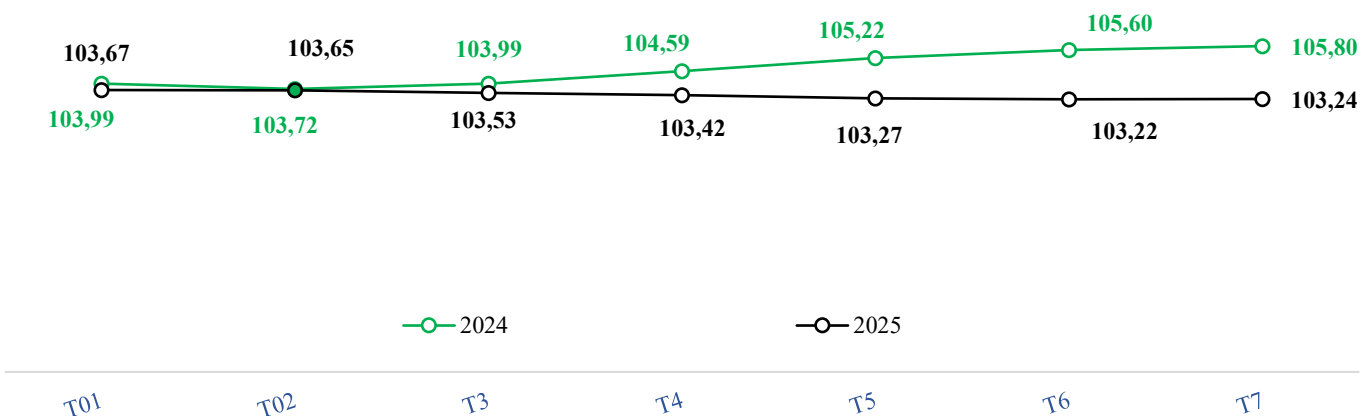
Chỉ số giá Đô la Mỹ so với tháng trước (%)



Chỉ số giá Đô la Mỹ so với cùng kỳ (%)



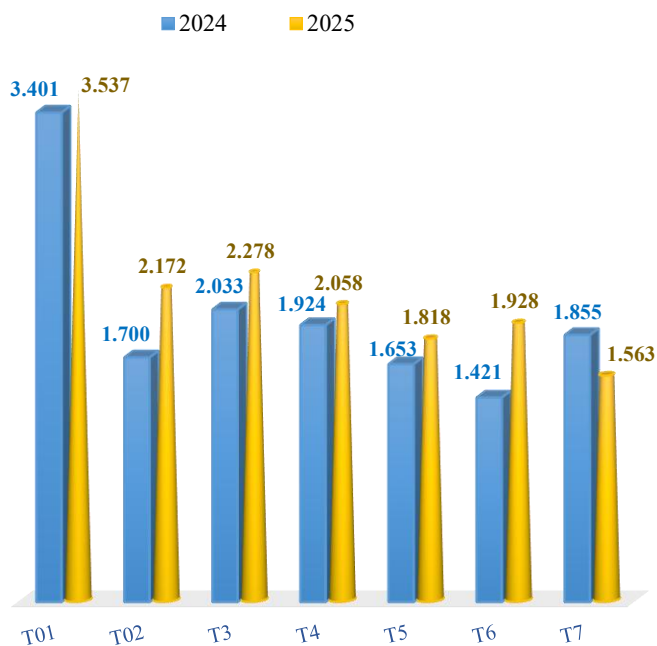
Chỉ số giá Đô la Mỹ bình quân so cùng kỳ
(lũy kế, %)



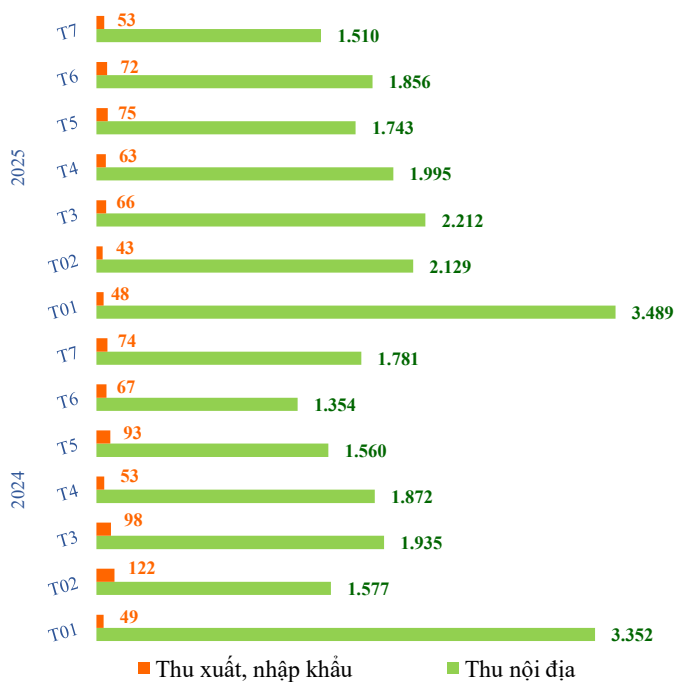


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*)

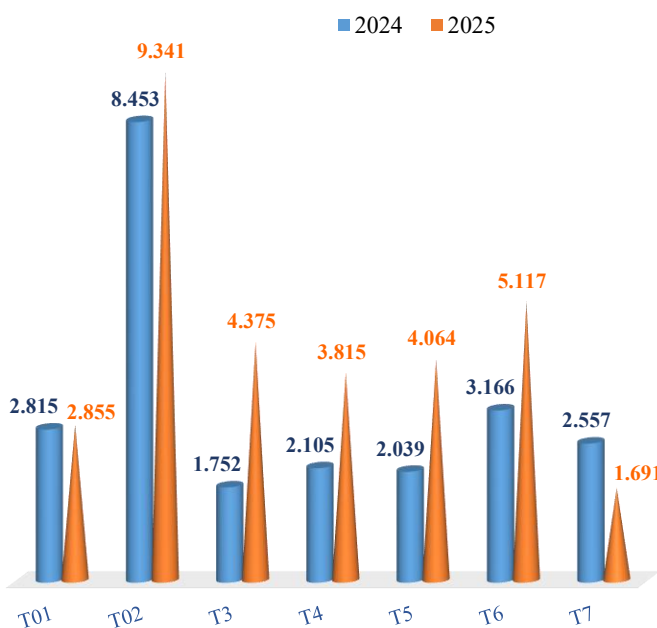
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(tháng, tỷ đồng)**



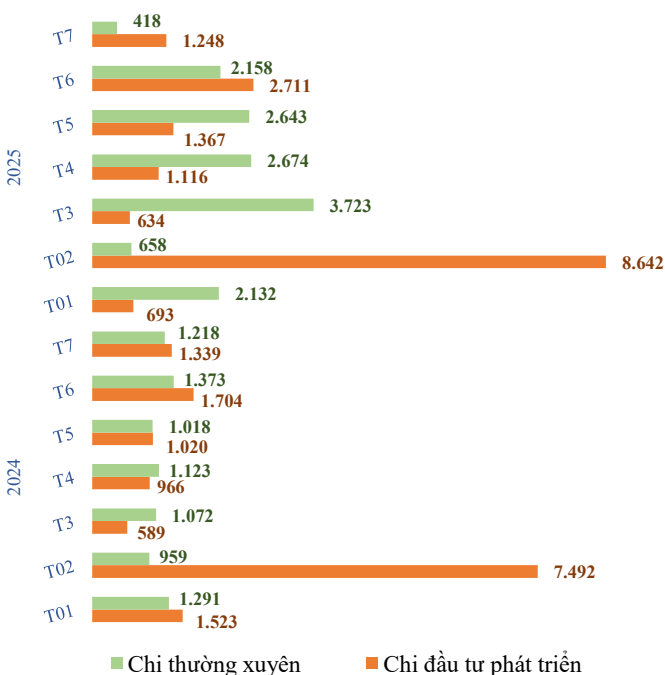
**Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu
(tháng, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương
(theo tháng, tỷ đồng)**



**Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên
(tháng, tỷ đồng)**

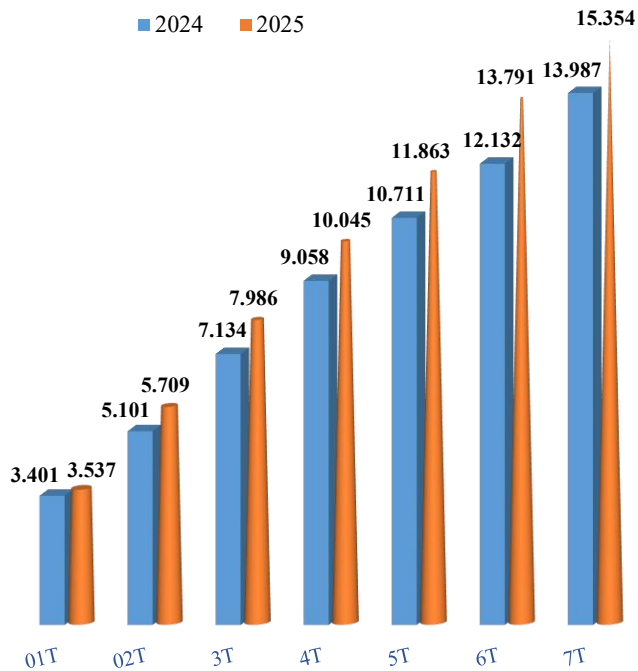


Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

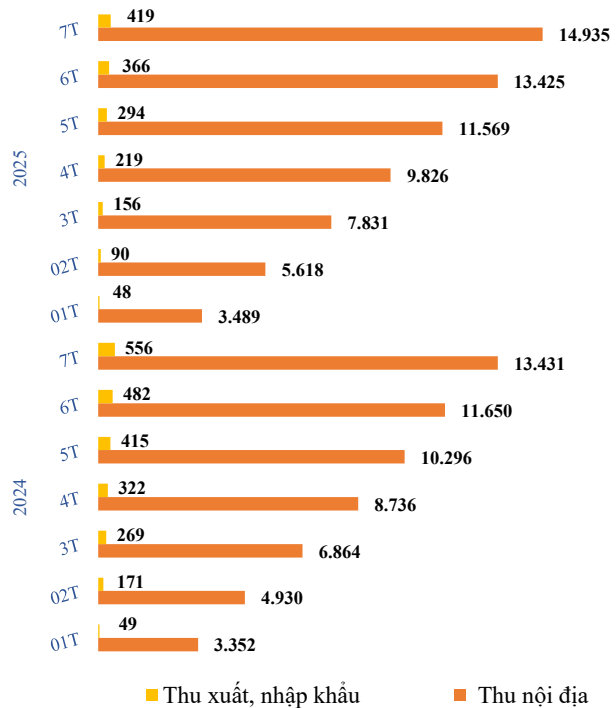


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*)

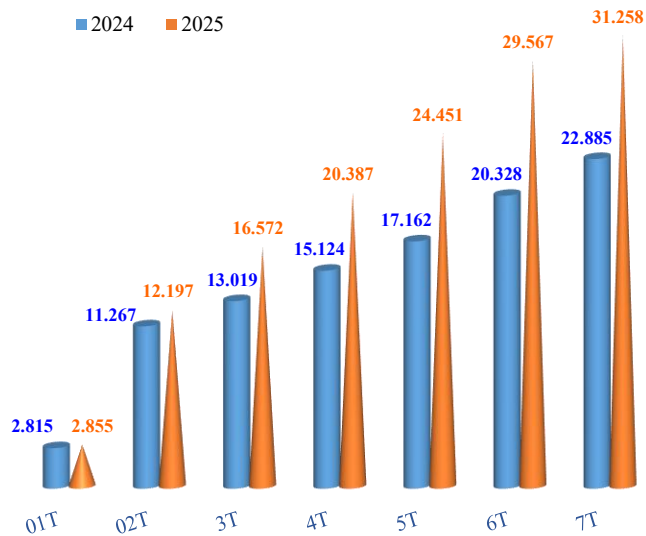
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



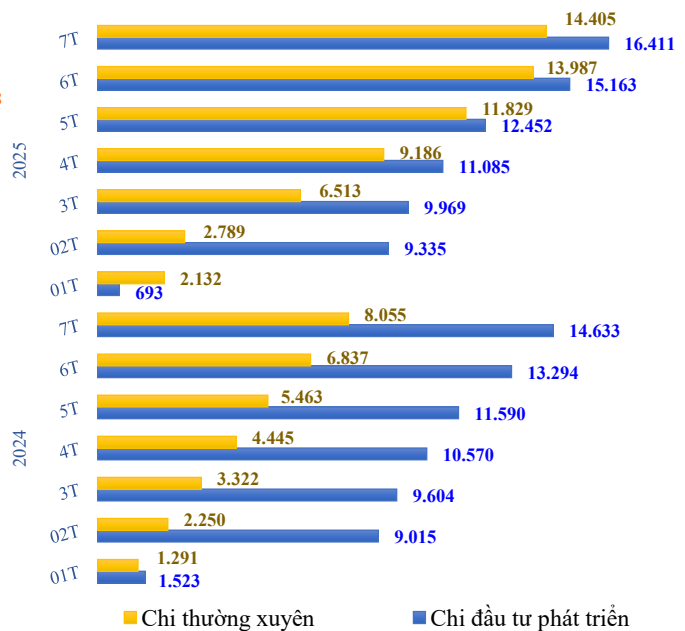
**Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu
(lũy kế, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



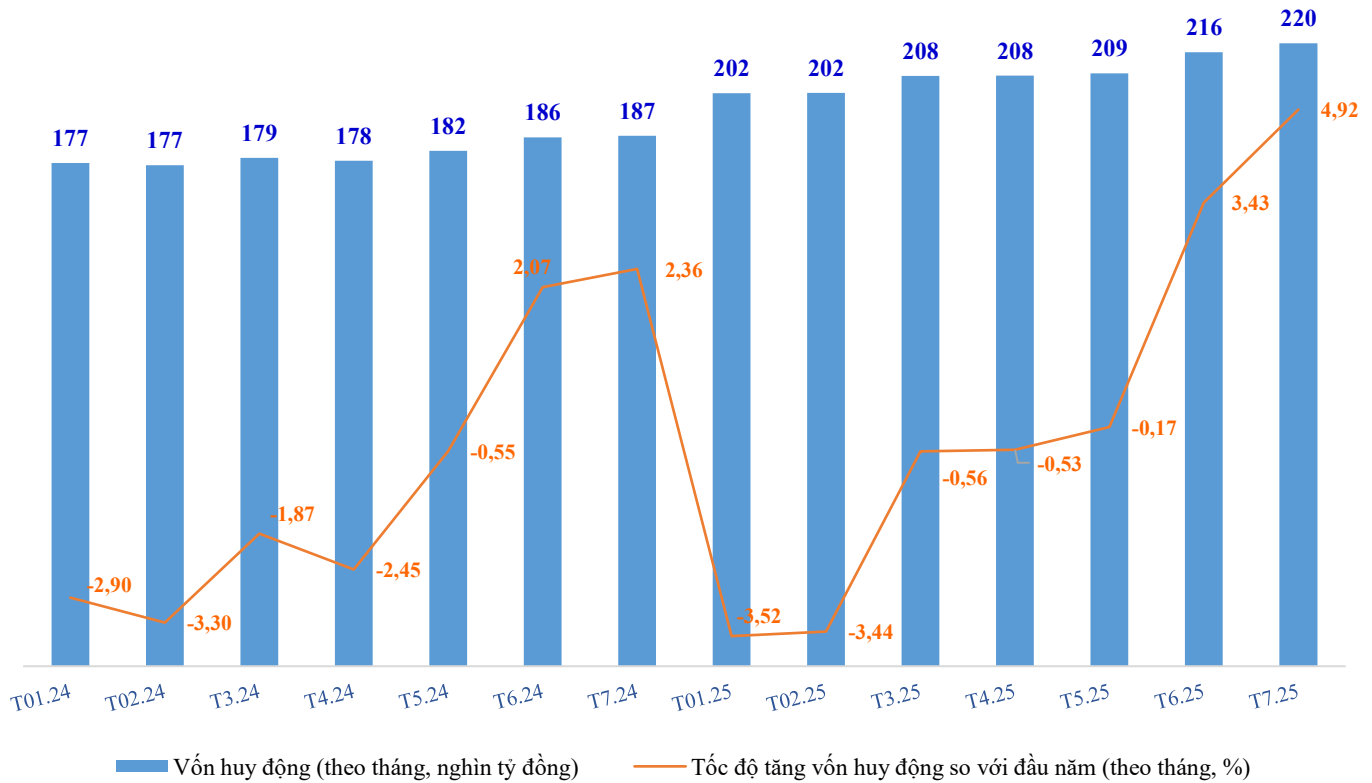
**Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên
(lũy kế, tỷ đồng)**



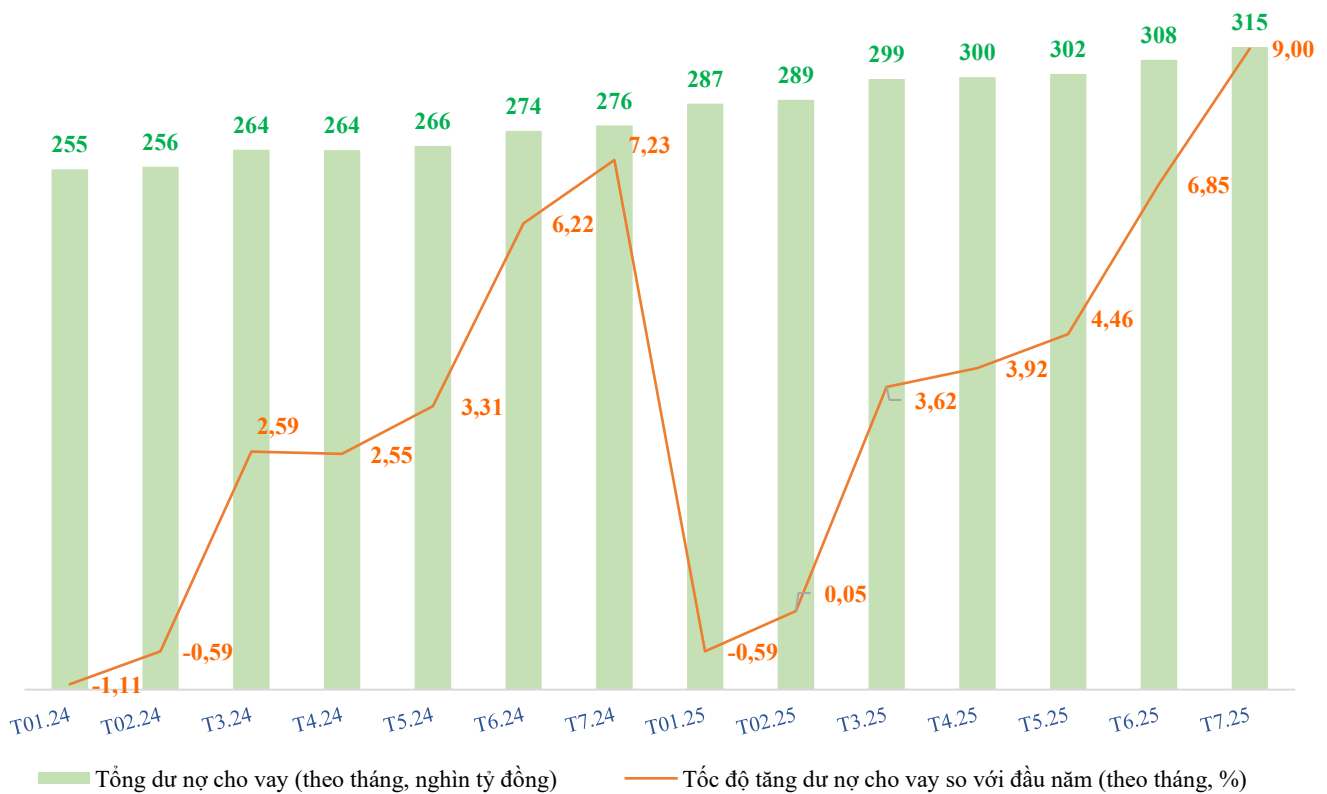
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ



Vốn huy động (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)



Tổng dư nợ cho vay (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)

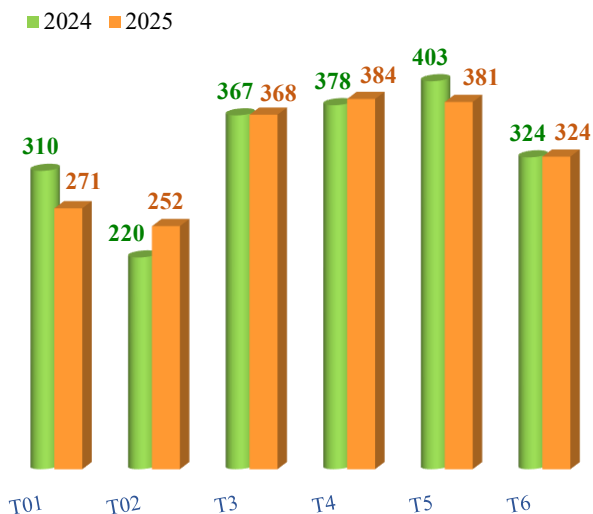


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Khu vực 14

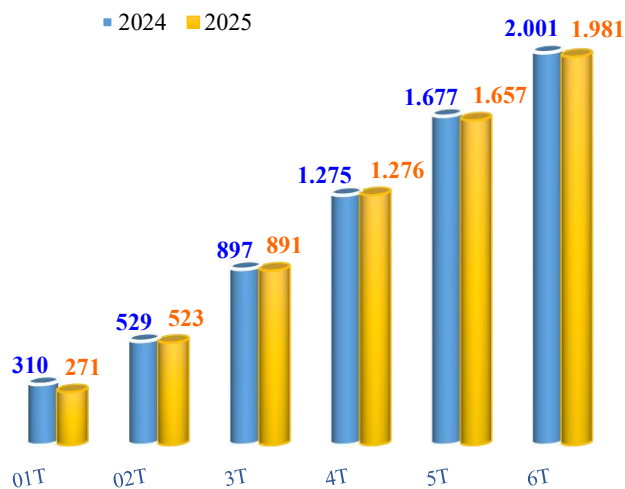


XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

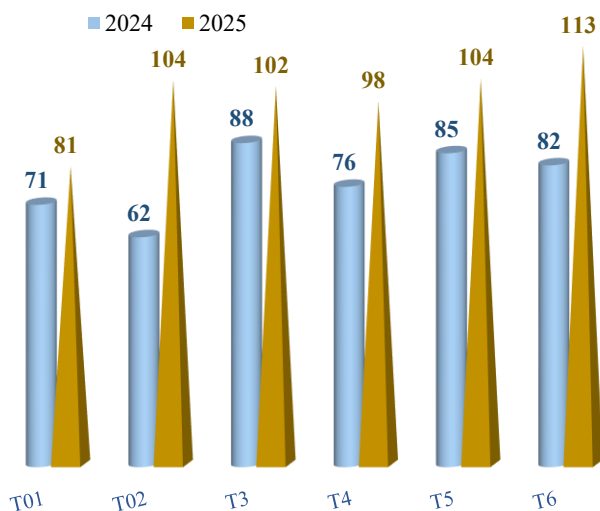
Xuất khẩu (theo tháng, triệu USD)



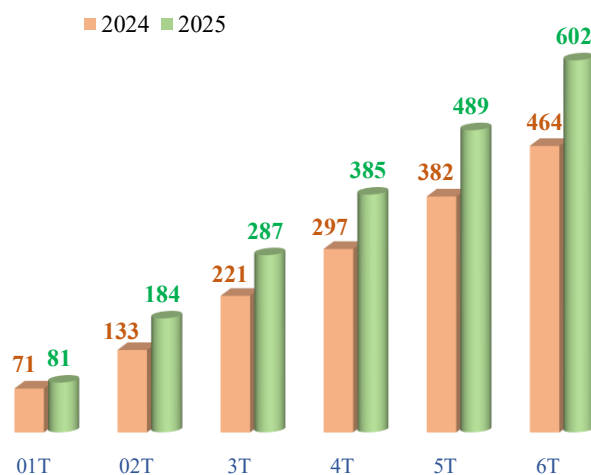
Xuất khẩu (lũy kế, triệu USD)



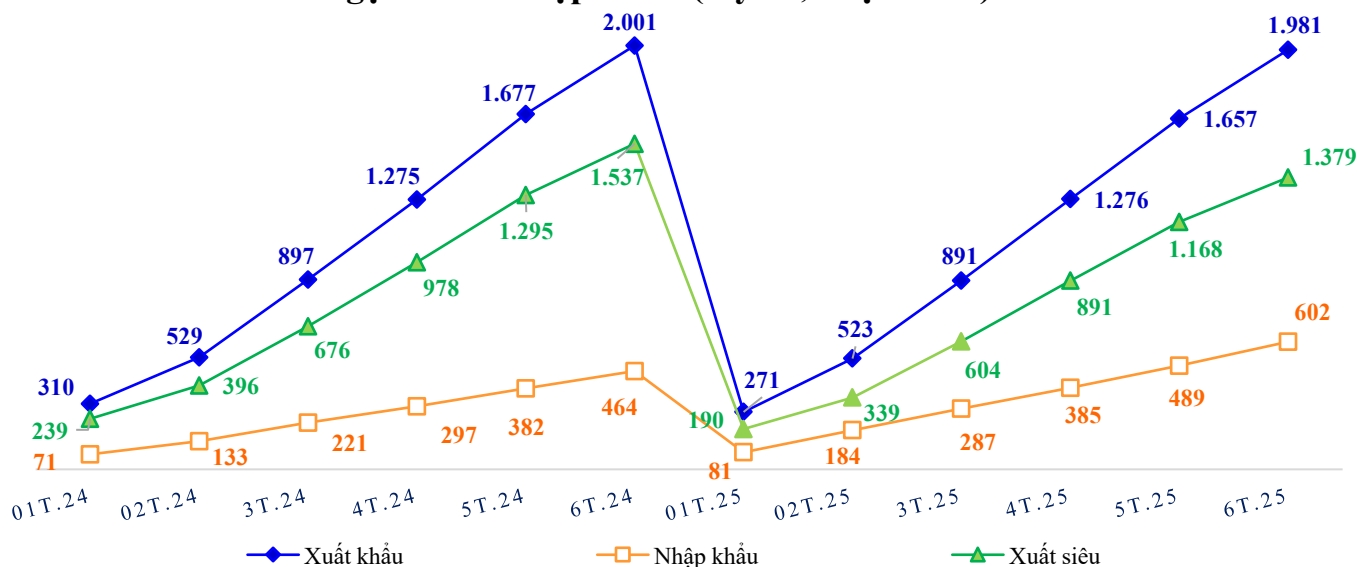
Nhập khẩu (theo tháng, triệu USD)



Nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)



Kim ngạch xuất nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)

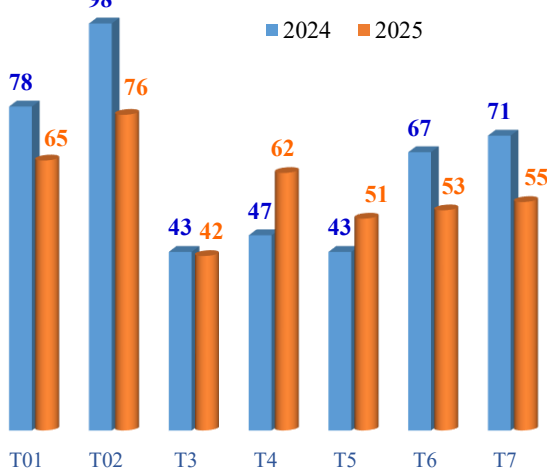


Nguồn: Cổng Thông tin điện tử Cục Hải quan (www.customs.gov.vn)

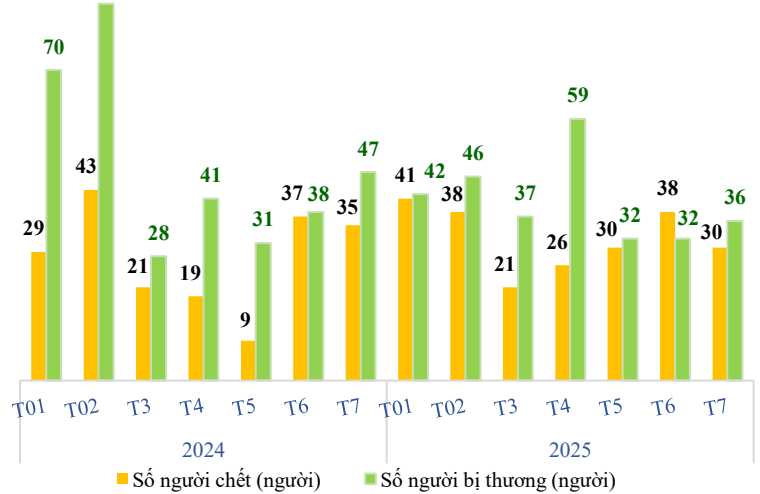


TAI NẠN GIAO THÔNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

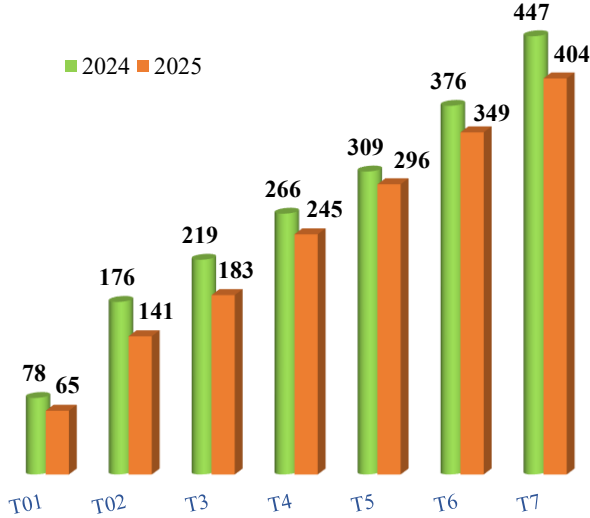
Số vụ tai nạn giao thông
(theo tháng, vụ)



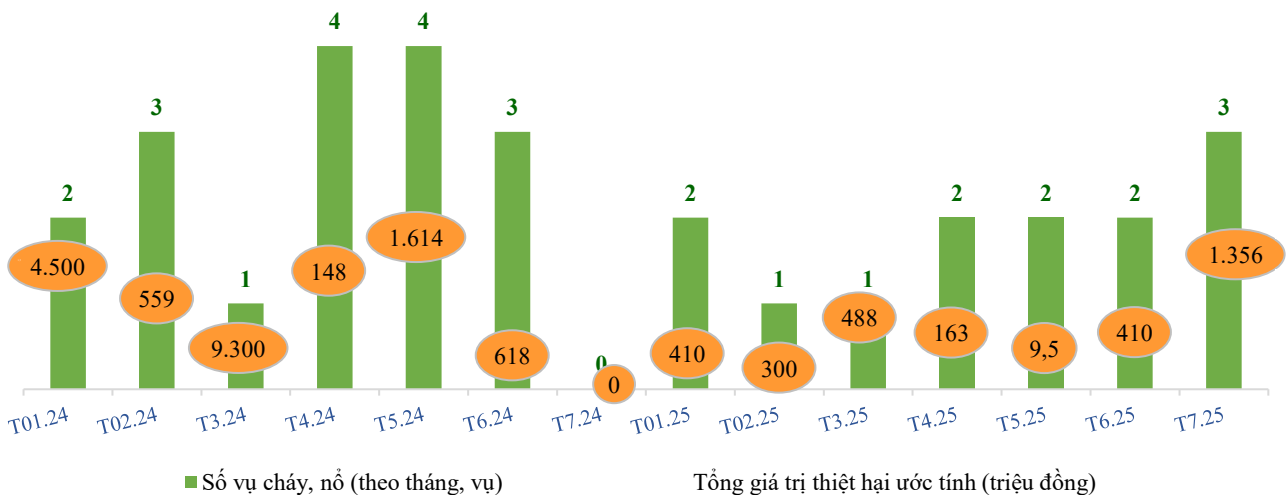
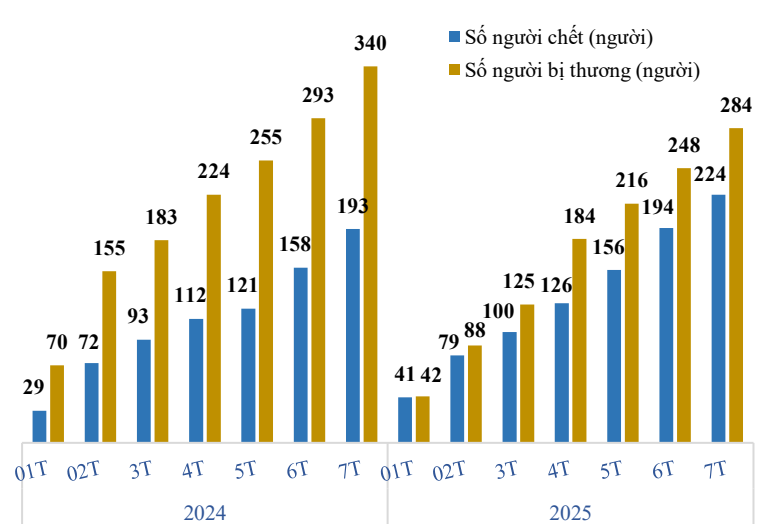
Số người chết và bị thương
(theo tháng, người)



Số vụ tai nạn giao thông (lũy kế, vụ)



Số người chết và bị thương (lũy kế, người)

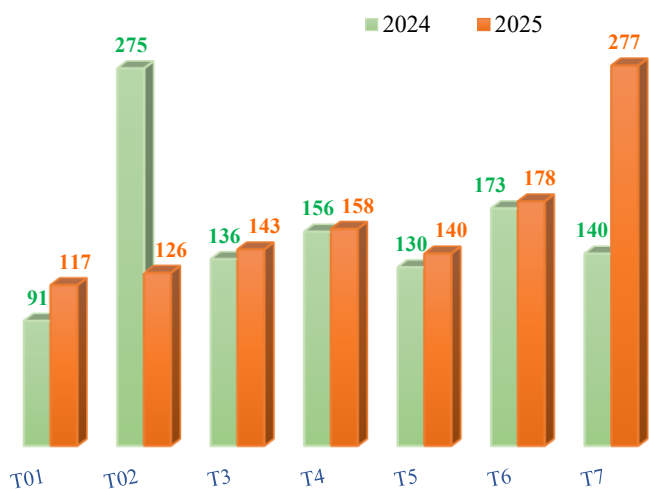


Nguồn: Công an thành phố và Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ

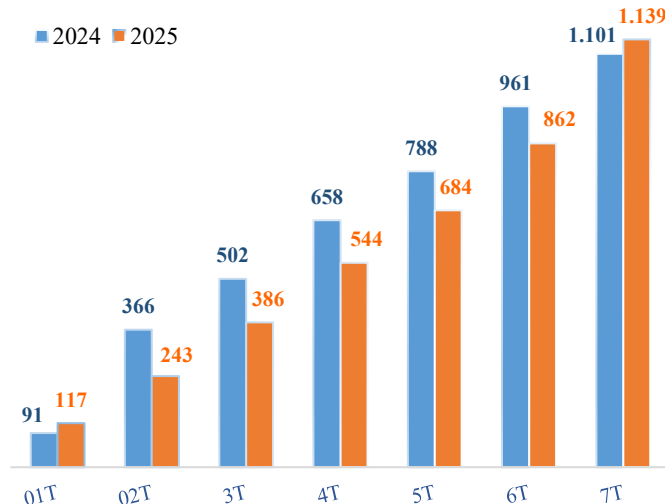


TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

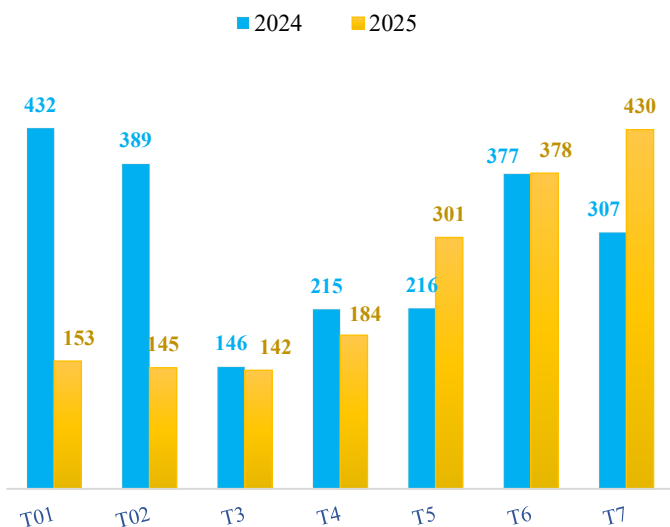
Sốt xuất huyết (theo tháng, trường hợp)



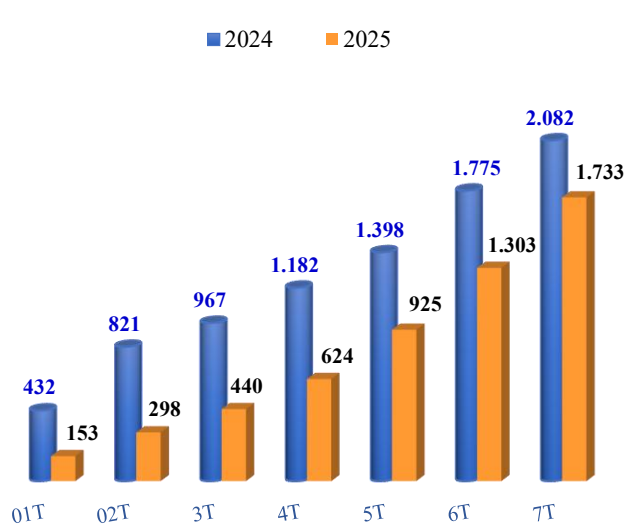
Sốt xuất huyết (lũy kế, trường hợp)



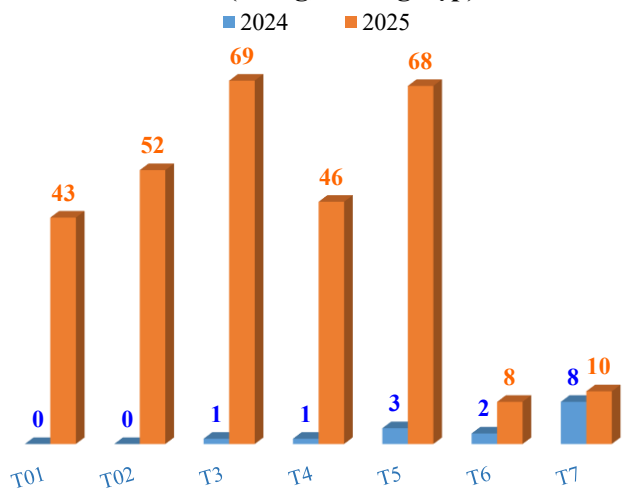
Tay chân miệng (tháng, trường hợp)



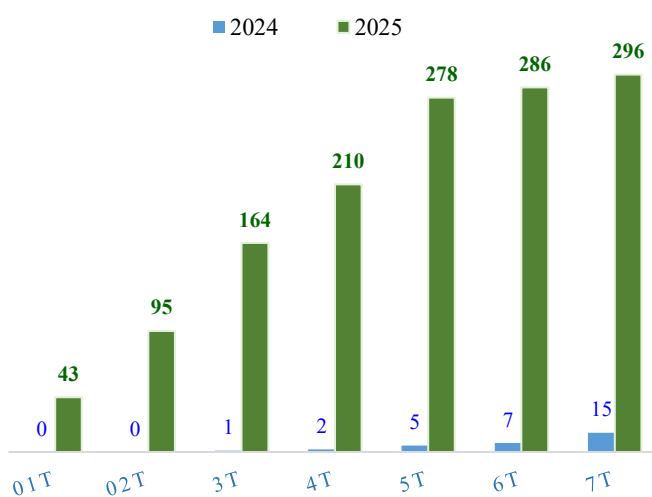
Tay chân miệng (lũy kế, trường hợp)



Sởi (tháng, trường hợp)



Sởi (lũy kế, trường hợp)

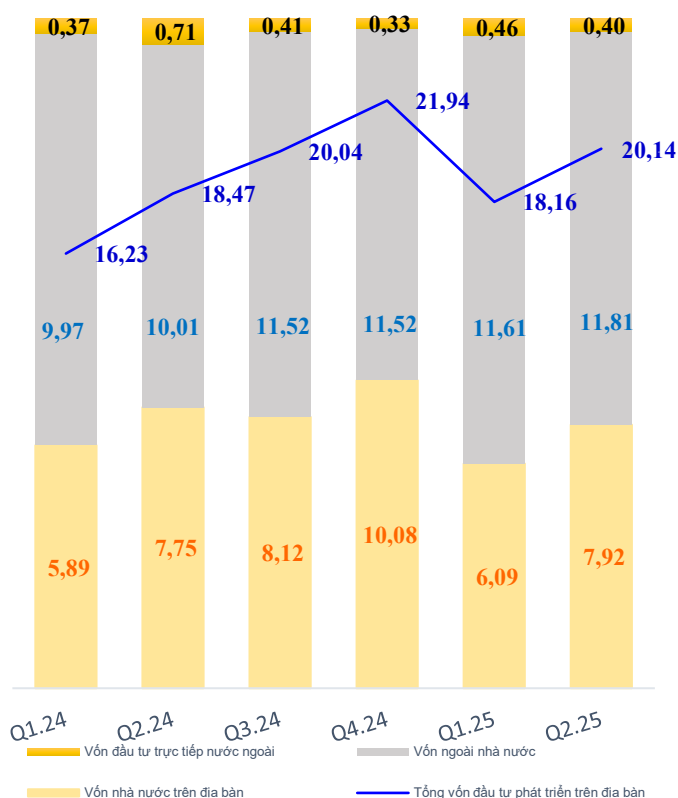


Nguồn: Sở Y tế thành phố Cần Thơ

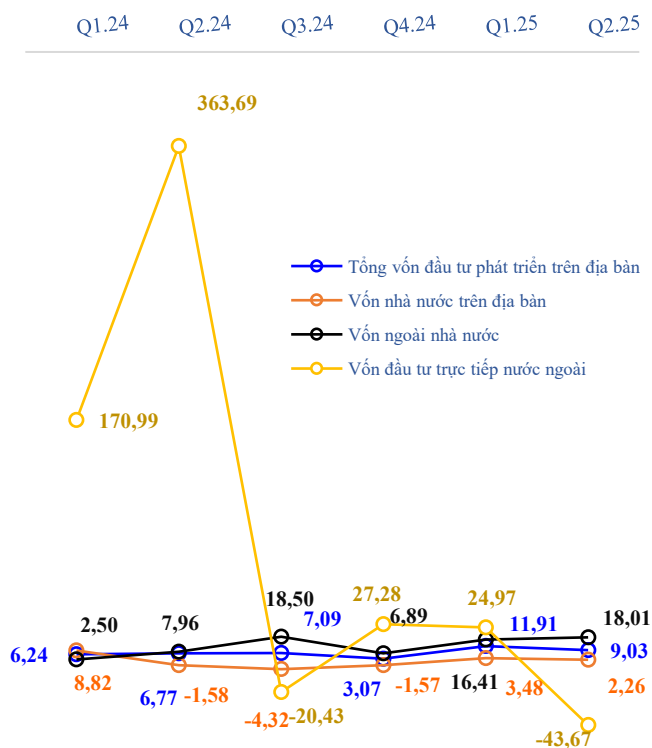


VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI

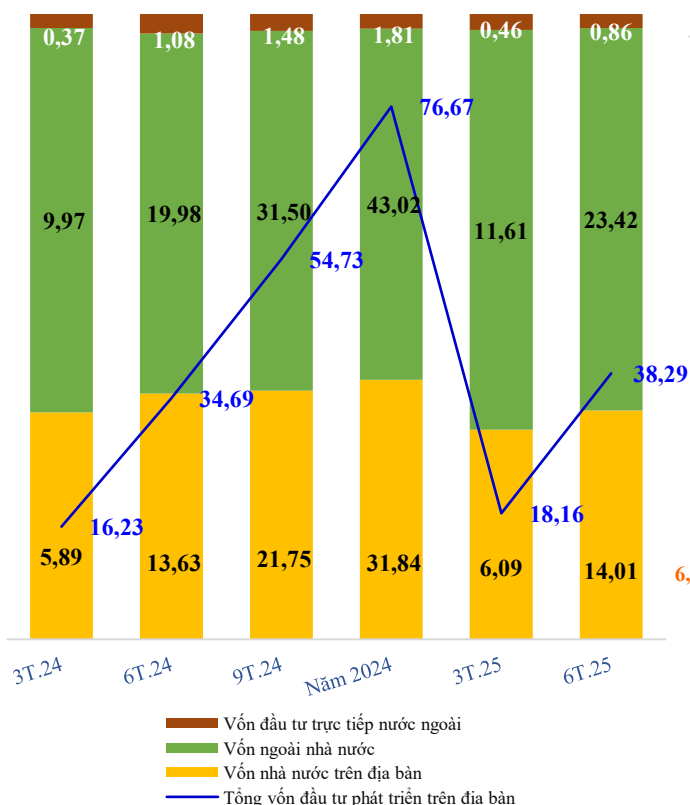
Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn theo giá hiện hành (theo quý, nghìn tỷ đồng)



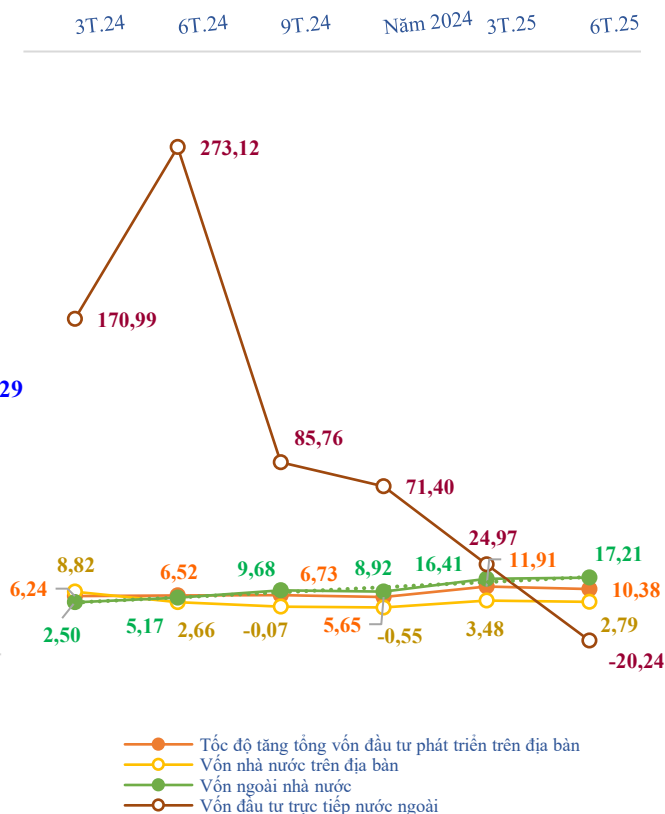
Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với cùng kỳ (theo quý, %)



Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn theo giá hiện hành (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với cùng kỳ (lũy kế, %)





DÂN SỐ

Diện tích



6.360,8 Km²

Dân số trung bình sơ bộ năm 2024



**3.207.077
người**

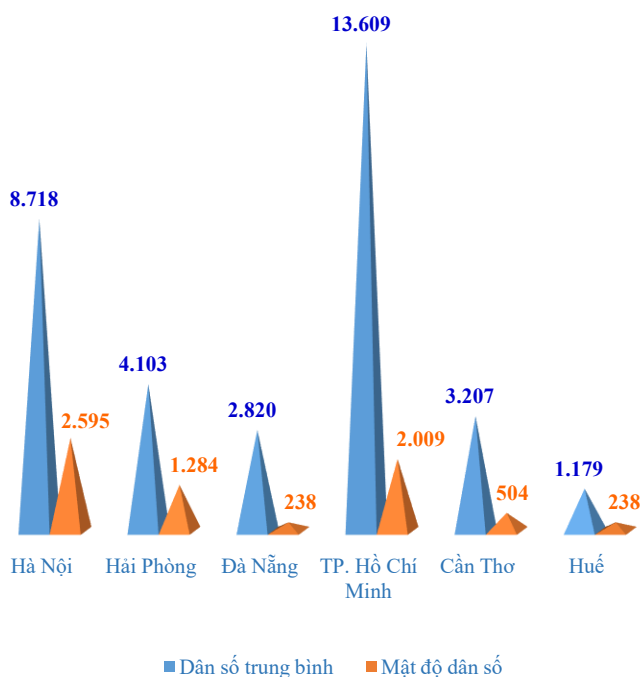
Thu nhập bình quân đầu người



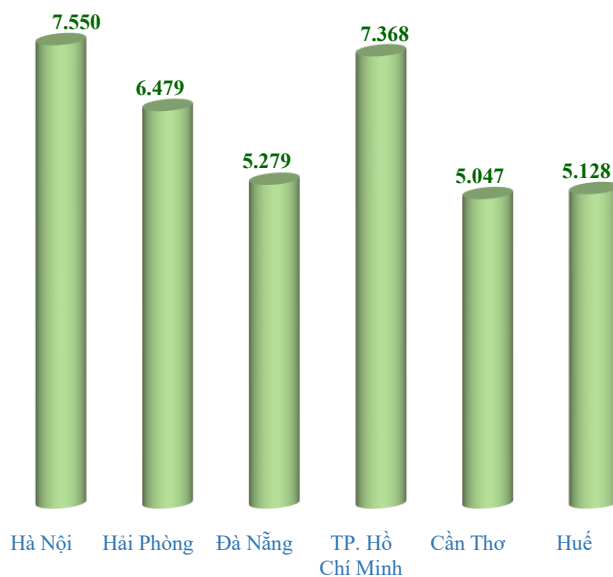
**5.046,56
nghìn đồng/tháng**

Dân số trung bình sơ bộ năm 2024 của thành phố Cần Thơ (mới) đạt 3.207.077 người với diện tích 6.360,8 Km², mật độ dân số 504 người/Km².

Dân số trung bình và mật độ dân số 6 TP trực thuộc Trung ương (nghìn người, người/Km²)



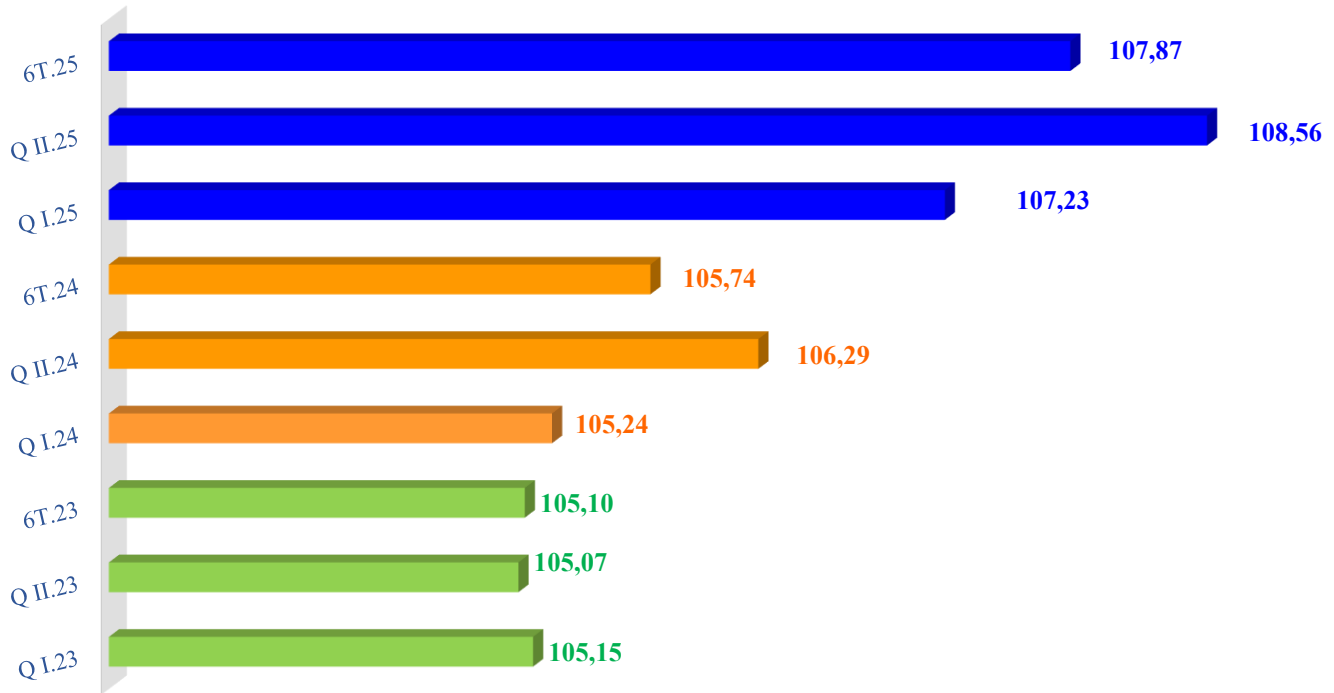
Thu nhập bình quân đầu người 6 TP trực thuộc Trung ương (nghìn đồng/tháng)



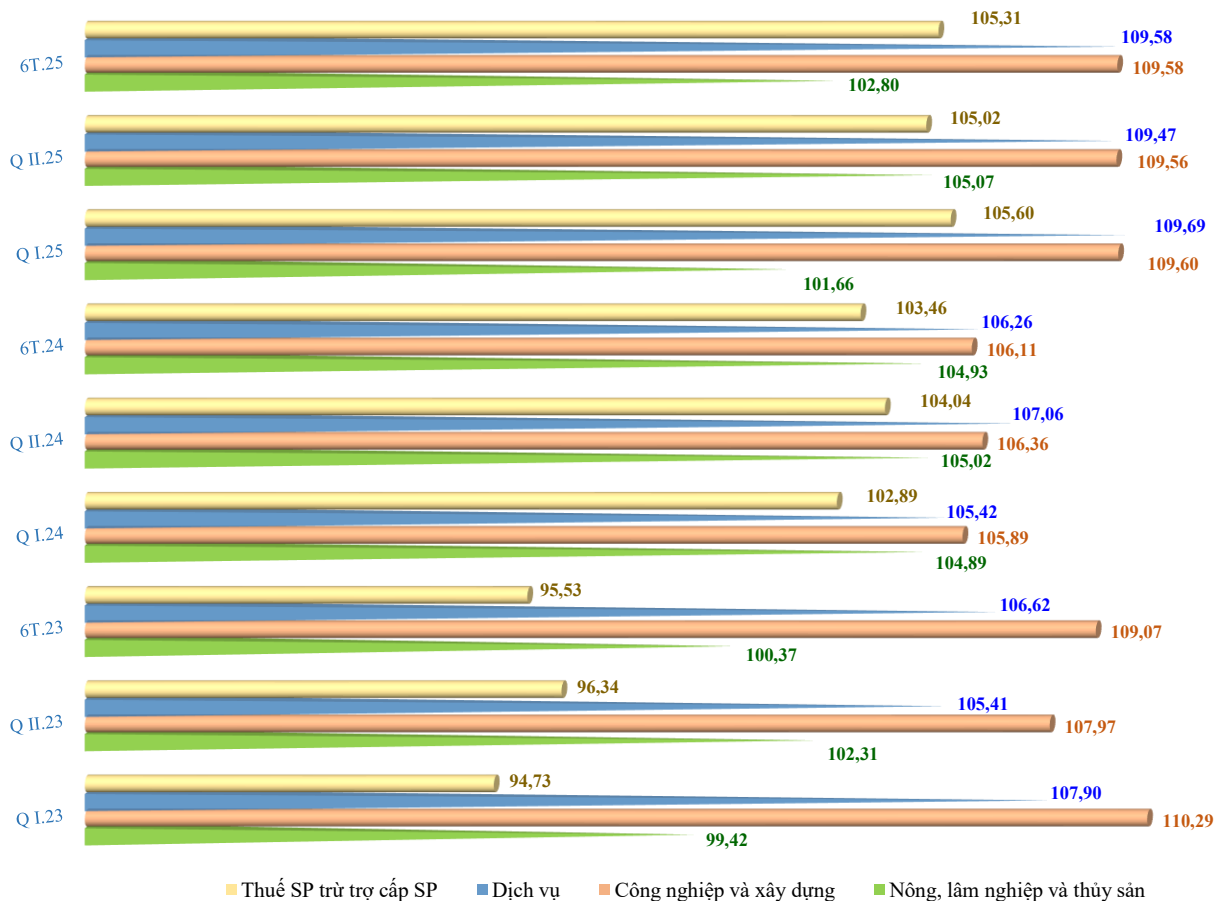


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

Tốc độ phát triển (GRDP) TP Cần Thơ (theo quý, %)



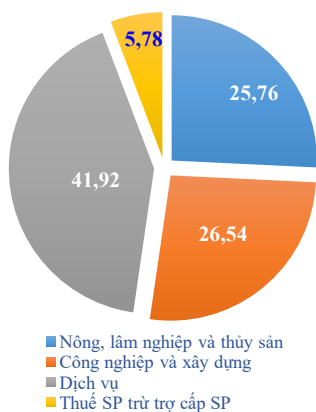
Tốc độ phát triển (GRDP) TP Cần Thơ (theo khu vực, %)



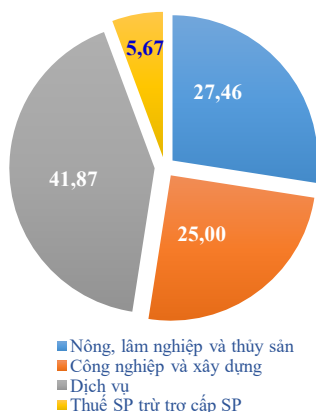


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

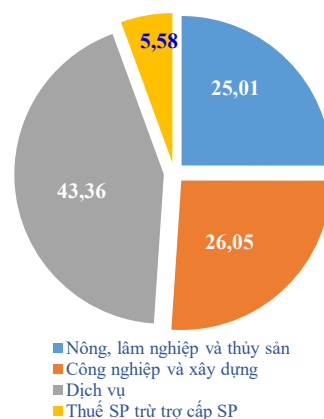
**Cơ cấu GRDP quý I năm 2023
(theo giá HH,%)**



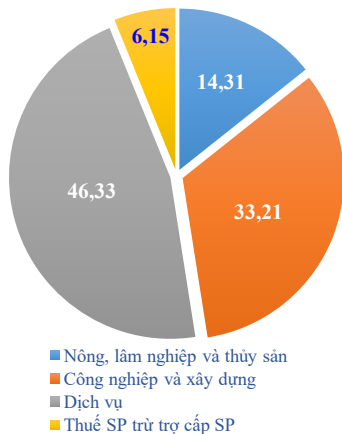
**Cơ cấu GRDP quý I năm 2024
(theo giá HH,%)**



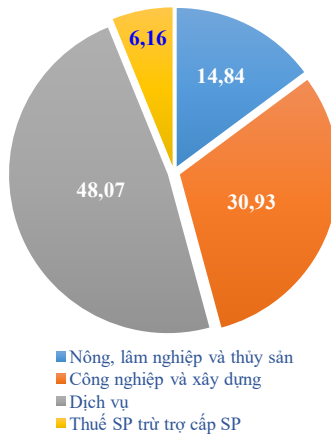
**Cơ cấu GRDP quý I năm 2025
(theo giá HH,%)**



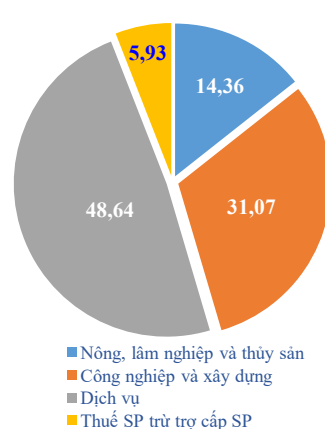
**Cơ cấu GRDP quý II năm 2023
(theo giá HH,%)**



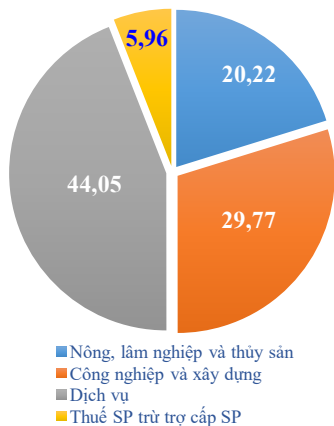
**Cơ cấu GRDP quý II năm 2024
(theo giá HH,%)**



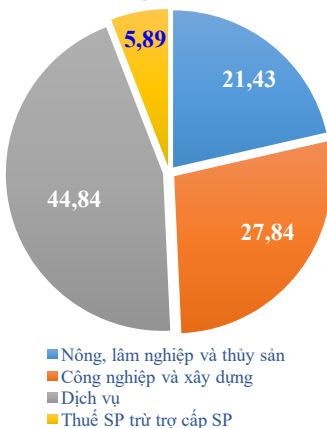
**Cơ cấu GRDP quý II năm 2025
(theo giá HH,%)**



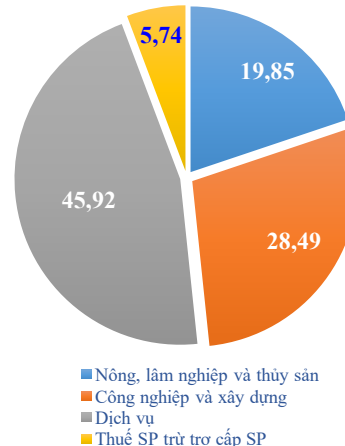
**Cơ cấu GRDP 6 tháng năm 2023
(theo giá HH,%)**



**Cơ cấu GRDP 6 tháng năm 2024
(theo giá HH,%)**



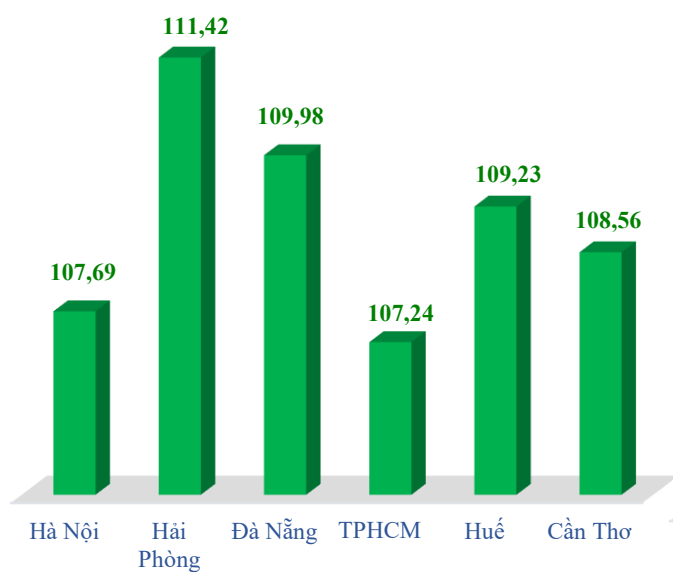
**Cơ cấu GRDP 6 tháng năm 2025
(theo giá HH,%)**



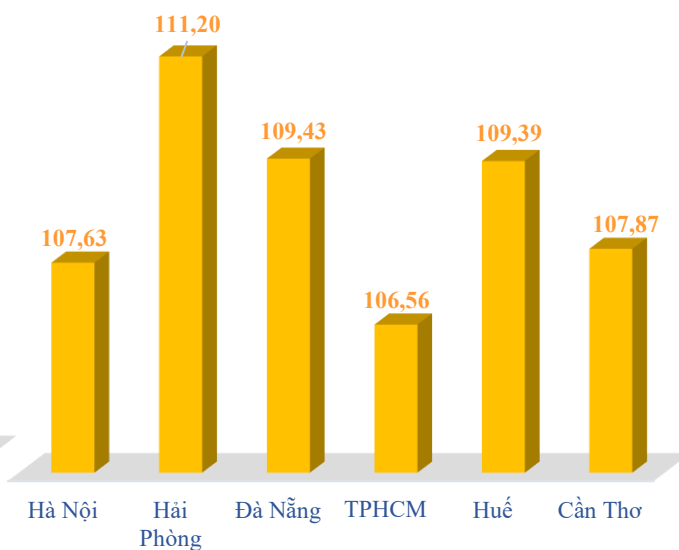


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

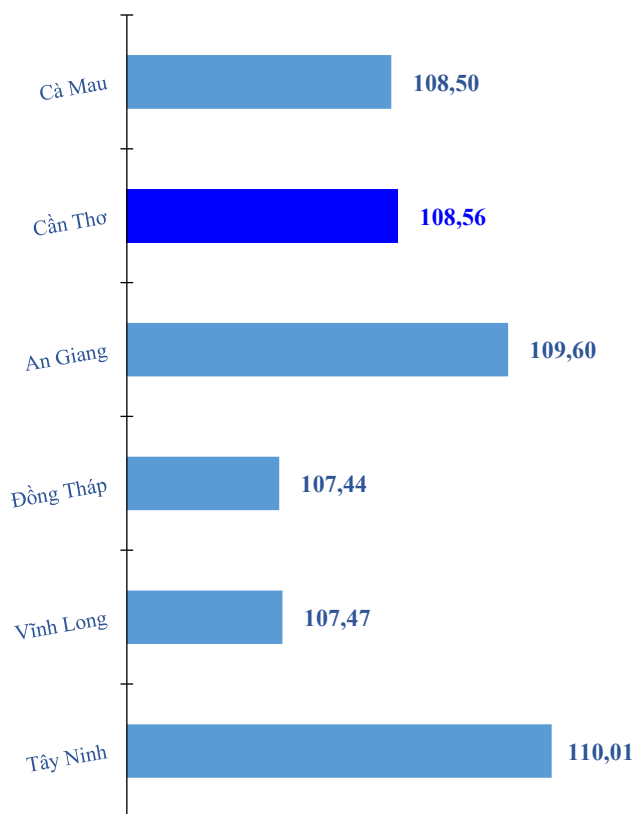
Tốc độ phát triển (GRDP) của 6 TP trực thuộc TW quý II năm 2025 (%)



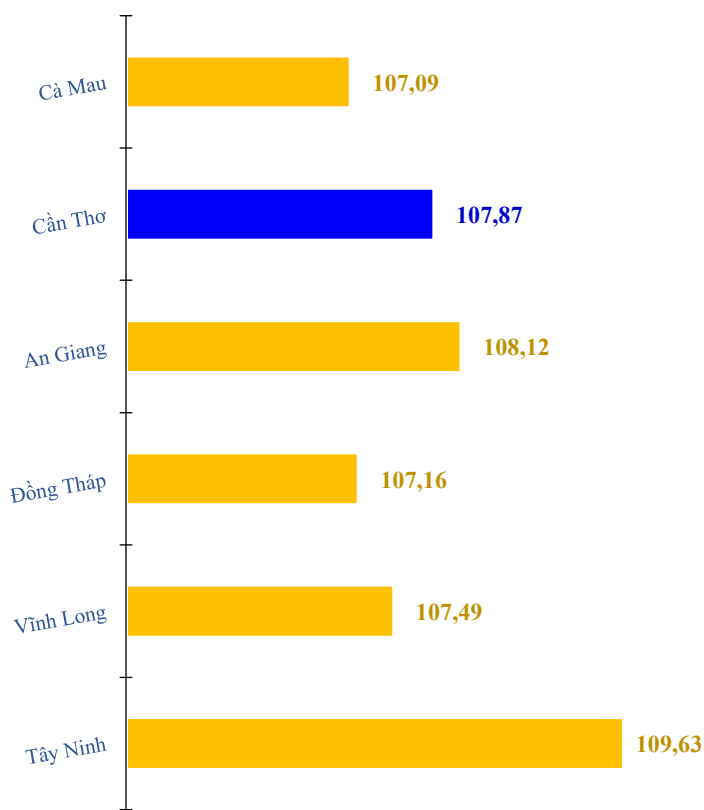
Tốc độ phát triển (GRDP) của 6 TP trực thuộc TW 6 tháng năm 2025 (%)



Tốc độ phát triển (GRDP) các tỉnh Miền tây quý II năm 2025 (%)



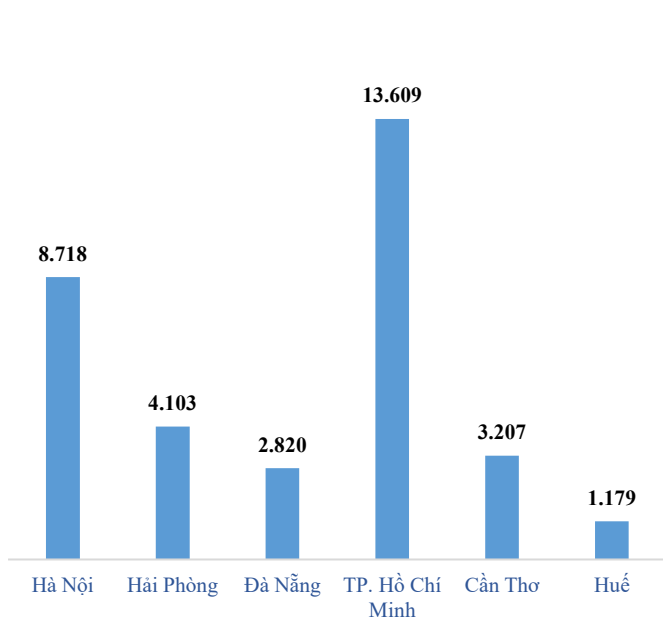
Tốc độ phát triển (GRDP) các tỉnh Miền tây 6 tháng năm 2025 (%)



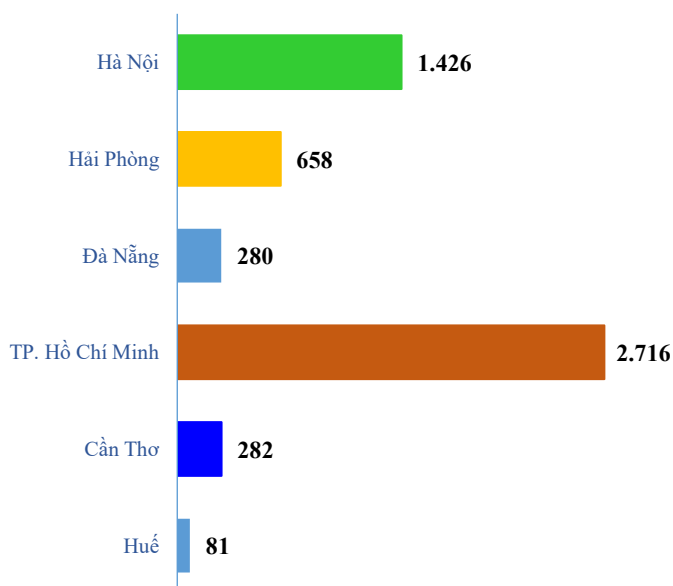


SỐ LIỆU KINH TẾ CHỦ YẾU 6 TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ƯỚC NĂM 2024

Dân số trung bình (nghìn người)



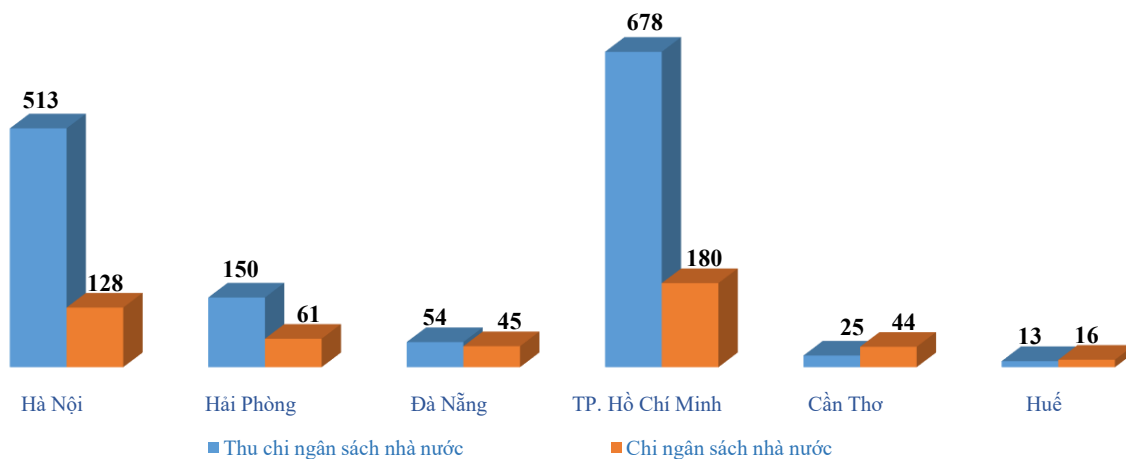
Quy mô GRDP theo giá hiện hành (nghìn tỷ đồng)



Tốc độ phát triển GRDP (%)



Thu - Chi ngân sách nhà nước (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: Chi cục Thống kê 6 thành phố lớn



THỐNG KÊ TP CẦN THƠ

SỔ LIỆU

KINH TẾ - XÃ HỘI

TP CẦN THƠ



<https://thongkecantho.nso.gov.vn>